

TÀI LIỆU ÔN TẬP NGỮ VĂN 8 KÌ II

NĂM HỌC 2022-2023

A. PHẦN VĂN BẢN

1. THƠ

TT	Tên văn bản	Tác giả	Thể loại	Giá trị nội dung	Giá trị nghệ thuật	Ý nghĩa
1	Nhớ rừng	Thế Lữ 1907-1989	8 chữ/ câu	Mượn lời con hổ bị nhốt trong vườn bách thú để diễn tả sâu sắc nỗi chán ghét thực tại, tầm thường tù túng và khao khát tự do mãnh liệt của nhà thơ, khơi gợi lòng yêu nước thầm kín của người dân mất nước thương ấy.	Bài thơ tràn đầy cảm xúc lắng mạn, giàu chất tạo hình, ngôn ngữ và nhạc điệu phong phú, có sức biểu cảm cao.	Mượn lời con hổ trong vườn bách thú, tác giả kín đáo bộc lộ tình cảm yêu nước, niềm khát khao thoát khỏi kiếp đời nô lệ.
	Học thuộc 3 KHỔ THƠ ĐẦU					
2	Quê hương	Tế Hanh 1921	8 chữ/ câu	Vẻ đẹp của bức tranh làng quê và tình yêu quê hương trong sáng, tha thiết	Lời thơ bình dị, hình ảnh chân thực, khỏe khoắn, bài thơ trữ tình, nhưng phần lớn số câu thơ lại chủ yếu là biểu cảm xen miêu tả.	Bài thơ là bày tỏ của tác giả về một tình yêu tha thiết đối với quê hương làng biển.
	Học thuộc					
4	Tức cảnh Pác Bó	Hồ Chí Minh 1890-1969	Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật	Tinh thần lạc quan, phong thái ung dung của Bác Hồ trong cuộc sống cách mạng đầy gian khổ	Phép đối hài hòa, thể thơ tứ tuyệt bình dị, giọng vui đùa	Bài thơ thể hiện cốt cách tinh thần Hồ Chí Minh luôn tràn đầy niềm lạc quan, tin tưởng vào sự nghiệp cách mạng.
	Học thuộc					
5	Ngắm trăng (Vọng nguyệt) trích NKTT	Hồ Chí Minh 1890-1969	Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật	Tình yêu thiên nhiên, yêu trăng đến say mê và phong thái ung dung nghệ sĩ của Bác Hồ ngay trong cảnh tù ngục cực khổ tối tăm	Bài thơ tứ tuyệt giản dị mà hàm súc, thi đề cổ điển nhưng tinh thần là của thời đại. Sử dụng biện pháp nhân hoá, điệp từ, câu hỏi tu từ, phép đối	Tác phẩm thể hiện sự tôn vinh cái đẹp của tự nhiên, của tâm hồn con người bất chấp hoàn cảnh ngục tù.
	Học thuộc					

2. VĂN BẢN NGHỊ LUẬN

TT	Tên văn bản	Tác giả	Thể loại	Giá trị nội dung, tư tưởng	Giá trị nghệ thuật	Ghi chú
1	Chiếu dời đô (Thiên)	Lí Công Uẩn (Lí Thái Tổ)	Chiếu	Khát vọng về một đất nước độc lập, thống nhất và khí phách của dân tộc	Kết cấu chặt chẽ, lập luận giàu sức thuyết phục, hài hoà giữa lí	Ý nghĩa lịch sử của sự kiện dời đô từ Hoa Lư ra

	đô chiếu) 1010	974-1028)	Học thuộc	Đại Việt đang trên đà phát triển lớn mạnh.	và tinh: trên vâng mệnh trời dưới theo ý dân	Thăng Long và nhận thức về vị thế, sự phát triển đất nước của Lí Công Uẩn.
2	Hịch tướng sĩ (<i>Dụ chư tì tướng hịch văn</i>) 1285	Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn (1231- 1300)	Hịch Học thuộc	Lòng căm thù giặc sâu sắc và ý chí quyết chiến, quyết thắng kẻ thù xâm lược	Bài hịch kết hợp hài hòa giữ yếu tố chính luận với yếu tố văn chương, giữ tư duy logic và tư duy hình tượng, giữ lí trí với tình cảm; lập luận chặt chẽ, lời văn gợi cảm khi thống thiết trữ tình, khi mạnh mẽ..	Hịch tướng sĩ nêu lên vấn đề nhận thức và hành động trước nguy cơ đất nước bị xâm lược.
3	Nước Đại Việt ta (<i>Trích Bình Ngô Đại cáo</i>)1428	Ức Trai Nguyễn Trãi (1380-1442)	Cáo Học thuộc	Bản Tuyên ngôn độc lập: nước ta là nước có nền văn hiến lâu đời, có lãnh thổ riêng, có phong tục riêng, có chủ quyền, có truyền thống lịch sử; kẻ xâm lược là phản nhân nghĩa, nhất định thất bại	Lập luận chặt chẽ, chứng cứ hùng hồn Sử dụng các biện pháp so sánh, câu văn biến ngẫu	Thể hiện quan niệm, tư tưởng tiến bộ của Nguyễn Trãi về tổ quốc, đất nước và có ý nghĩa như một bản tuyên ngôn độc lập.
4	Bàn luận về phép học (<i>Luận pháp học</i> ;1971)	La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp 1723-1804	Tấu Học thuộc	Việc học là để làm người có đạo đức, có tri thức, góp phần làm hưng thịnh đất nước. Muốn học tốt phải có phương pháp học, học rộng nhưng nắm gọn, học đi đôi với hành.	Lập luận chặt chẽ, luận cứ rõ ràng: kết hợp lí lẽ với cảm xúc, kết hợp văn xuôi với văn biến ngẫu	Bằng hình thức lập luận chặt chẽ, sáng rõ. Nguyễn Thiếp nêu lên quan niệm tiến bộ của ông về sự học.
6	Đi bộ ngao du (Trích Ê-min hay về giáo dục) 1762	J. Ru xô (1712-1778)	Nghị luận nước ngoài (Chữ Pháp)	Đi bộ ngao du thỏa mãn nhu cầu thưởng ngoạn ngao du .Mở rộng tầm hiểu biết cuộc sống, nhân lên niềm vui sống cho con người	Lí lẽ và dẫn chứng được rút từ ngay kinh nghiệm và cuộc sống của nhân vật, từ thực tiễn sinh động, thay đổi các đại từ nhân xưng một cách linh hoạt sinh động.	Từ những điều mà đi bộ ngao du đem lại như tri thức, sức khỏe, cảm giác thoải mái . Nhà văn thể hiện tinh thần tự do, dân chủ, tư tưởng tiến bộ của thời đại.

7	Ông Giuốc - Đanh mặc lễ phục.	Mô – li – e	Hài kịch	Phê phán tính cách lố lăng của một tay trưởng giả muốn học đòi làm sang, gây nên tiếng cười sảng khoái.	Xây dựng nhân vật hết sức sinh động, khắc họa tài tình tính cách lố lăng của tay trưởng giả	Kể về việc ông Giuốc – đanh muốn thay đổi ăn mặc, tác giả phê phán thói học đòi làm sang của tầng lớp trưởng giả.
---	--------------------------------------	-------------	-----------------	---	---	---

3. Bảng so sánh phân biệt nghị luận trung đại và nghị luận hiện đại:

Nghị luận trung đại	Nghị luận hiện đại
<ul style="list-style-type: none"> - Văn sử triết bất phân - Khuôn vào những thể loại riêng: <i>chiếu, hịch, cáo, tấu..với kết cấu, bố cục riêng.</i> - In đậm thế giới quan của con người trung đại: <i>tư tưởng mệnh trời, thân - chủ; tâm lí sùng cổ.</i> - Dùng nhiều điển tích, điển cố, hình ảnh ước lệ, câu văn biên ngẫu nhịp nhàng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Không có những đặc điểm trên - Sử dụng trong nhiều thể loại văn xuôi hiện đại: Tiểu thuyết luận đề, phóng sự- chính luận, tuyên ngôn.... - Cách viết giản dị, câu văn gần gũi nói thường, gần với đời sống thực.

B. TIẾNG VIỆT:

1. CÁC KIỂU CÂU PHÂN LOẠI THEO MỤC ĐÍCH NÓI

TT	Câu	Đặc điểm hình thức	Chức năng chính	Ví dụ
1	Câu nghi vấn	<ul style="list-style-type: none"> - Có những từ nghi vấn (ai, gì, nào, sao, tại sao, đâu, bao giờ, bao nhiêu ...hoặc từ hay (nói các về có quan hệ lựa chọn - Kết thúc câu bằng dấu hỏi chấm (?). Ngoài ra còn kết thúc bằng dấu chấm, dấu chấm than hoặc dấu chấm lửng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng để hỏi - Ngoài ra còn dùng để đe dọa, yêu cầu, ra lệnh, bộc lộ tình cảm xúc... 	<ul style="list-style-type: none"> - Mai cậu có phải đi lao động không? - Cậu chuyển giùm quyển sách này tới H được không?
2	Câu cầu khiến	<ul style="list-style-type: none"> - có từ cầu khiến: hãy, đừng, chớ, đi, thôi, nào...hay ngữ điệu cầu khiến - Kết thúc bằng dấu chấm than - ý cầu khiến không mạnh kết thúc bằng dấu chấm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng để ra lệnh, yêu cầu, đề nghị, khuyên bảo.... 	<ul style="list-style-type: none"> - Hãy lấy gạo làm bánh mà lễ Tiên Vương. - Ra ngoài!
3	Câu cảm thán	<ul style="list-style-type: none"> - Có từ ngữ cảm thán: ôi, than ôi, hỡi ôi, biết bao, 	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng để bộc lộ cảm xúc trực tiếp của người nói (viết) xuất hiện chủ yếu trong 	<ul style="list-style-type: none"> - Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?

		xiết bao, biết chừng nào... - Kết thúc bằng dấu chấm than	ngôn ngữ nói hàng ngày hay ngôn ngữ văn chương.	
4	Câu trần thuật	- Không có đặc điểm hình thức của các kiểu câu nghi vấn, cảm thán.... - Kết thúc bằng dấu chấm đôi khi kết thúc bằng dấu chấm, hoặc dấu chấm lửng	- Dùng để kể, thông báo nhận định, miêu tả.... - Ngoài ra còn dùng để yêu cầu, đề nghị, bộc lộ tình cảm, cảm xúc... - Là kiểu câu cơ bản và được dùng phổ biến trong giao tiếp.	- Trời đang mưa. - Quyển sách đẹp quá! Tớ cảm ơn bạn! Cảm ơn bạn!
5	Câu phủ định	- Có từ ngữ phủ định: Không, chẳng, chả, chưa...	- Thông báo, xác nhận không có sự vật, sự việc, tính chất, quan hệ nào đó -> Câu phủ định miêu tả. - Phán bác một ý kiến, một nhận định-> Câu phủ định bác bỏ.	- Tôi không đi chơi. - Tôi chưa đi chơi. - Tôi chẳng đi chơi. - Đâu có! Nó là của tôi.

2. HÀNH ĐỘNG NÓI:

Hành động nói	Các kiểu hành động nói	Cách thực hiện hành động nói
- Là hành động được thực hiện bằng lời nói nhằm một mục đích nhất định	- Hành động hỏi. - Hành động trình bày (báo tin, kể, tả, nêu ý kiến, dự đoán...) - Hành động điều khiển (câu khiến, đedọa, thách thức...) - Hành động hứa hẹn. - Hành động bộc lộ cảm xúc.	- Thực hiện hành động nói trực tiếp: Vd: - Đưa cho tôi cái bút. - thực hiện hành động nói gián tiếp. Vd: Bạn có thể đưa giùm tôi cái bút này cho A được không?

3. HỘI THOẠI:

1. Khái niệm:

- Vai xã hội là vị trí của người tham gia hội thoại đối với người khác trong cuộc hội thoại.
- + Quan hệ trên dưới hay ngang hàng (theo tuổi tác, thứ bậc trong gia đình và xã hội)
- + Quan hệ thân - sơ (theo mức độ quen biết, thân tình)
- * Khi tham gia hội thoại mỗi người cần xác định đúng vai để chọn cách nói cho phù hợp

2 Lượt lời trong hội thoại:

- Trong hội thoại ai cũng được nói. Mỗi người tham gia hội thoại nói được gọi là một lượt lời.
- Để giữ lịch sự cần tôn trọng lượt lời của người khác, tránh nói tranh lượt lời, cắt lời hoặc chêm vào lời người khác.

- Nhiều khi, im lặng khi đến lượt lời của mình cũng là một cách biểu thị thái độ.

4. LỰA CHỌN TRẬT TỰ TỪ TRONG CÂU:

1. Khái niệm:

Trong một câu có thể có nhiều cách sắp xếp trật tự từ, mỗi cách đem lại hiệu quả diễn đạt riêng

2. Tác dụng:

- Thể hiện thứ tự nhất định của sự vật hiện tượng, hoạt động, đặc điểm....
- Nhấn mạnh, hình ảnh, đặc điểm của sự vật hiện tượng.
- Liên kết câu với những câu khác trong văn bản.
- Bảo đảm sự hài hoà về ngữ âm của lời nói.

C. TẬP LÀM VĂN

DÀN Ý CHO CÁC KIỂU BÀI VĂN NGHỊ LUẬN

1. Nghị luận về một tư tưởng, đạo lí:

a. Mở bài:

- Dẫn dắt vào vấn đề cần nghị luận
- Nêu vấn đề cần nghị luận ra (trích dẫn)
- Phải làm gì về vấn đề đưa ra nghị luận (có tính chuyển ý)

b. Thân bài:

* **Bước 1:** Giải thích tư tưởng, đạo lí cần bàn luận (...).

Tùy theo yêu cầu đề bài có thể có những cách giải thích khác nhau:

- Giải thích khái niệm, trên cơ sở đó giải thích ý nghĩa, nội dung vấn đề.

Giải thích nghĩa đen của từ ngữ, rồi suy luận ra nghĩa bóng, trên cơ sở đó giải thích ý nghĩa, nội dung vấn đề.

- Giải thích mệnh đề, hình ảnh trong câu nói, trên cơ sở đó xác định nội dung, ý nghĩa của vấn đề mà câu nói đề cập.

* Lưu ý: Tránh sa vào cắt nghĩa từ ngữ (theo nghĩa từ vựng).

* **Bước 2:** Phân tích và chứng minh những mặt đúng của tư tưởng, đạo lí cần bàn luận (...)

Bản chất của thao tác này là giảng giải nghĩa lí của vấn đề được đặt ra để làm sáng tỏ tới cùng bản chất của vấn đề. Phần này thực chất là trả lời câu hỏi: Tại sao? (Vì sao?) Vấn đề được biểu hiện như thế nào? Có thể lấy những dẫn chứng nào làm sáng tỏ?

* **Bước 3:** Bình luận, đánh giá (bàn bạc, mở rộng, đề xuất ý kiến...):

- Đánh giá vấn đề: Nêu ý nghĩa của vấn đề, mức độ đúng – sai, đóng góp – hạn chế của vấn đề.
- Phê phán, bác bỏ những biểu hiện sai lệch có liên quan đến vấn đề đang bàn luận (...)
- Mở rộng vấn đề

* **Bước 4:** Rút bài học nhận thức và hành động

- Từ sự đánh giá trên, rút ra bài học kinh nghiệm trong cuộc sống cũng như trong học tập, trong nhận thức cũng như trong tư tưởng, tình cảm, ... (Thực chất trả lời câu hỏi: từ vấn đề bàn luận, hiểu ra điều gì? Nhận ra vấn đề gì có ý nghĩa đối với tâm hồn, lối sống bản thân?...)

- Bài học hành động - Đề xuất phương châm đúng đắn, phương hướng hành động cụ thể

(Thực chất trả lời câu hỏi: Phải làm gì? ...)

c. Kết bài:

- Khẳng định chung về tư tưởng, đạo lí đã bàn luận ở thân bài (...)
- Lời nhắn gửi đến mọi người (...)

2. Nghị luận về một hiện tượng đời sống

a. Mở bài:

- Dẫn dắt vào đề (...) để giới thiệu chung về những vấn đề có tính bức xúc mà xã hội ngày nay cần quan tâm.
- Giới thiệu vấn đề nghị luận đặt ra ở đề bài: hiện tượng đời sống mà đề bài đề cập...
- (Chuyển ý)

b. Thân bài:

* **Bước 1:** Trình bày thực trạng – Mô tả hiện tượng đời sống được nêu ở đề bài (...). Có thể nêu thêm hiểu biết của bản thân về hiện tượng đời sống đó (...).

Lưu ý: Khi miêu tả thực trạng, cần đưa ra những thông tin cụ thể, tránh lối nói chung chung, mơ hồ mới tạo được sức thuyết phục.

- Tình hình, thực trạng trên thế giới (...)
- Tình hình, thực trạng trong nước (...)
- Tình hình, thực trạng ở địa phương (...)

* **Bước 2:** Phân tích những nguyên nhân – tác hại của hiện tượng đời sống đã nêu ở trên.

- Ảnh hưởng, tác động - Hậu quả, tác hại của hiện tượng đời sống đó:
 - + Ảnh hưởng, tác động - Hậu quả, tác hại đối với cộng đồng, xã hội (...)
 - + Hậu quả, tác hại đối với cá nhân mỗi người (...)
- Nguyên nhân:
 - + Nguyên nhân khách quan (...)
 - + Nguyên nhân chủ quan (...)

* **Bước 3:** Bình luận về hiện tượng (tốt/ xấu, đúng /sai...)

- Khẳng định: ý nghĩa, bài học từ hiện tượng đời sống đã nghị luận.
- Phê phán, bác bỏ một số quan niệm và nhận thức sai lầm có liên quan đến hiện tượng bàn luận (...).
- Hiện tượng từ góc nhìn của thời hiện đại, từ hiện tượng nghĩ về những vấn đề có ý nghĩa thời đại

* **Bước 4:** Đề xuất những giải pháp:

Lưu ý: Cần dựa vào nguyên nhân để tìm ra những giải pháp khắc phục.

- Những biện pháp tác động vào hiện tượng đời sống để ngăn chặn (nếu gây ra hậu quả xấu) hoặc phát triển (nếu tác động tốt):
 - + Đối với bản thân...
 - + Đối với địa phương, cơ quan chức năng:...
 - + Đối với xã hội, đất nước: ...

+ Đối với toàn cầu

c. Kết bài:

- Khẳng định chung về hiện tượng đời sống đã bàn (...)
- Lời nhắn gửi đến tất cả mọi người (...)

CẤU TRÚC BÀI LÀM

* HIỆN TƯỢNG XẤU	* HIỆN TƯỢNG TỐT
I. MỞ BÀI: nêu vấn đề	I. MỞ BÀI: nêu vấn đề
II. THÂN BÀI	II. THÂN BÀI
1. Giải thích hiện tượng	1. Giải thích hiện tượng
2. Bàn luận a. Phân tích tác hại b. Chỉ ra nguyên nhân c. Biện pháp khắc phục	2. Bàn luận a. Tác dụng ý nghĩa của hiện tượng. b. Biện pháp nhân rộng hiện tượng. c. Phê phán hiện tượng trái ngược.
3. Bài học cho bản thân	3. Bài học cho bản thân
III. KẾT BÀI: đánh giá chung về hiện tượng.	III. KẾT BÀI: đánh giá chung về hiện tượng.

DÀN BÀI NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

Đề 1

Viết một bài văn ngắn (không quá 400 từ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về câu ngạn ngữ Hi Lạp: "Cái rễ của học hành thì cay đắng nhưng quả của nó thì ngọt ngào".

DÀN Ý THAM KHẢO

1. Giải thích:

- Học hành là quá trình học và thực hành để mở mang kiến thức, nâng cao trình độ hiểu biết của mỗi người.
- Rễ đắng và quả ngọt là hình ảnh ẩn dụ chỉ công lao học hành và kết quả học tập.
- Câu ngạn ngữ thể hiện nhận thức sâu sắc về qui luật của học vấn và vai trò quan trọng của việc học hành đối với mỗi người.

2. Phân tích – Chứng minh.

- Học hành có những chùm rễ đắng cay
- + Việc học đòi hỏi tốn thời gian, công sức, trải qua cả một quá trình.

- + Quá trình học tập có những khó khăn, vất vả, gian nan: chiếm lĩnh tri thức, luyện tập, thực hành... Để có thể giỏi giang, thành công đòi hỏi phải từng bước chinh phục những bậc thang học vấn.
- + Quá trình học tập có khi phải trải qua những thất bại, phải nếm vị cay đắng: điểm kém, bị quở mắng, thi hỏng....
- Vị ngọt của quả tri thức hái được từ việc học hành

- + Vị ngọt của kết quả học tập trước hết là người học được nâng cao hiểu biết của bản thân, giàu có hơn về tri thức và tâm hồn, tự tin hơn trong cuộc sống.
- + Thành quả học tập mang lại niềm vui, niềm tự hào cho bản thân và gia đình. thầy cô giáo, nhà trường, quê hương...
- + Thành công trong học tập cũng chắp cánh cho những ước mơ, khát vọng mới trên con đường lập nghiệp.
- + Phải biết chấp nhận đắng cay trong giai đoạn đầu để sau đó hưởng thành quả tốt đẹp lâu dài.

*** Dẫn chứng:**

- + Ê-đi-xon phải trải qua hàng nghìn thí nghiệm, phải tìm tòi không ngừng để phát minh ra bóng đèn điện.
- + Mặc-xim Gorki phải kiếm sống đủ thứ nghề vất vả nhưng không nguôi khát vọng học tập. Bằng con đường tự học đầy gian truân, say mê đọc sách tiếp cận ánh sáng văn minh nhân loại và trở thành nhà văn vĩ đại của nhân loại. (Bút danh: Gor-ki có nghĩa là cay đắng)
- + Mạc Đĩnh Chi bắt đom đóm cho vào vỏ trứng để lấy ánh sáng đọc sách, sau đỗ trạng nguyên.

3. Đánh giá – mở rộng

- Câu nói bao hàm một nhận thức đúng đắn, một lời khuyên tích cực: nhận thức được quá trình chiếm lĩnh tri thức, mỗi người cần có bản lĩnh, chủ động vượt qua khó khăn để thu nhận được thành quả tốt đẹp trong học tập.
- Trong thực tế, nhiều người lười biếng không chịu khó học hỏi, trau dồi kiến thức, không biết biến nhựa đắng thành quả ngọt dâng cho đời; hay có những người ý lại người khác, không nỗ lực, dẫn đến những hành động gian lận, không trung thực trong học tập
- Kết quả học tập nếu không từ công sức bản thân sẽ không bền, sẽ có lúc phải trả giá, sẽ trở thành kẻ kém cỏi trong cái nhìn của mọi người.

4. Bài học:

- * Nhận thức: xem câu ngạn ngữ là phương châm nhắc nhở, động viên bản thân trong quá trình học tập.
- * Hành động: rèn ý thức vươn lên trong học tập, không đầu hàng gian nan thử thách, luôn hướng tới những ước mơ, khát vọng hái quả ngọt từ học vấn để thành công.

Đề 2

Anh / chị nghĩ như thế nào về câu nói:

“Đời phải trải qua giông tố nhưng không được cúi đầu trước giông tố”

(Trích Nhật ký Đặng Thùy Trâm)

DÀN Ý

1. Giải thích:

- Giông tố ở đây dùng để chỉ cảnh gian nan đầy thử thách hoặc việc xảy ra dữ dội.
- Câu nói khẳng định: cuộc đời có thể trải qua nhiều gian nan nhưng chớ cúi đầu trước khó khăn, chớ đầu hàng thử thách, gian nan.

2. Phân tích – chứng minh:

Ý 1: Đời người cần trải qua những thử thách để trưởng thành:

Câu nói trên là tiếng nói của một lớp trẻ sinh ra và lớn lên trong thời đại đầy bão táp. Trong cuộc chiến tranh vệ quốc, họ sống thật đẹp và hào hùng. (Đặng Thùy Trâm, Nguyễn Văn Thạc, Nguyễn Viết Xuân “nhằm thẳng quân thù mà bắn”...)

– Trong gian khó, con người được rèn luyện như thép được tôi trong lửa; thực tế gian nan giúp con người hình thành được nhiều phẩm chất đáng quý: ý chí, nghị lực, bản lĩnh, sáng tạo, năng động, v.v...

Ý 2: Không cúi đầu trước giông tố, vẻ đẹp nhân cách con người tỏa sáng:

– Dù trong hoàn cảnh nào, khi con người không cúi đầu trước thử thách, con người sẽ trưởng thành và nhân cách sẽ tỏa sáng (Ngô Bảo Châu và công trình nghiên cứu về Bồ đề cơ bản...,)

– Không cúi đầu trước gian khó, trước hết con người phải vượt lên chính mình, chiến thắng bản thân, xông xáo năng động trong cuộc sống. Đó cũng là sống đẹp.

* Dẫn chứng:

– Thực tế học tập, lao động của lớp trẻ hiện nay có bao tấm gương sống đẹp:

+ Những thủ khoa đại học nhà nghèo vượt khó:

° Lê Minh Khiết – HS trường THPT chuyên Lê Khiết (Quảng Ngãi) với hattrick thủ khoa: Thủ khoa Tốt nghiệp THPT (56 điểm), thủ khoa Đại học Ngoại thương TPHCM (28,5 điểm), thủ khoa Đại học Y dược TPHCM (29,5 điểm).

° Vũ Văn Thanh, HS trường THPT Tô Hiệu, huyện Vĩnh Bảo (Hải Phòng) nhà nghèo, vừa đi học vừa làm thêm phụ hồ để có tiền phụ giúp gia đình và trang trải việc học, tự học và đỗ hai trường đại học: đỗ thủ khoa Đại học Hải Phòng và đỗ Đại học Ngoại thương (cơ sở Hà Nội).

+ Những người chiến đấu với căn bệnh nan y để sống có ích thật đáng khâm phục....

° Sự kiện tại TPHCM, với chủ đề “Vượt lên và chiến thắng”, 150 bệnh nhân ung thư đã tham gia thi đá bóng để chiến đấu với bệnh tật. Dù không thể bước nhanh hơn, dù các đấu thủ đã hoàn tất phần thi, một bệnh nhân 60 tuổi vẫn không bỏ cuộc và chia sẻ: “Tôi không thi để thắng thua với người khác, tôi chỉ muốn chiến thắng bản thân mình”.

3. Bình luận:

– Câu nói thể hiện một quan niệm nhân sinh tích cực: sống không sợ gian nan, thử thách, phải có nghị lực và bản lĩnh. Câu nói ngắn gọn nhưng cô đúc, có nghĩa giáo dục sâu sắc đối với thế hệ trẻ.

– Phê phán lối sống hèn nhát, cầu an, ngại khó...

4. Bài học:

* **Nhận thức:** Gian nan là thử thách của cuộc đời, con người được tôi luyện trong thử thách sẽ trưởng thành.

* **Hành động:** dám nghĩ – dám làm, phải năng động, phải rèn luyện tu dưỡng những phẩm chất cần có ở những con người của thời đại mới có khả năng vượt qua mọi thử thách để thành công.

ĐỀ 3

Trình bày suy nghĩ của mình về ý kiến sau: “Một người đã đánh mất niềm tin vào bản thân thì chắc chắn sẽ còn đánh mất thêm nhiều thứ quý giá khác nữa” (Sách Dám thành công)

DÀN Ý

1. Giải thích câu nói:

– **Niềm tin vào bản thân:** Đó là niềm tin vào chính mình, tin vào năng lực, trí tuệ, phẩm chất, giá trị của mình trong cuộc sống. Đó còn là mình hiểu mình và tự đánh giá được vị trí, vai trò của mình trong các mối quan hệ của cuộc sống.

– Khi đánh mất niềm tin là ta đánh mất tất cả. – đánh mất thêm nhiều thứ quý giá khác.

Câu nói là lời nhắc nhở mỗi chúng ta hãy có niềm tin vào bản thân. Đó cũng là bản lĩnh, là phẩm chất, là năng lực của mỗi người, là nền tảng của niềm yêu sống và mọi thành công.

2. Phân tích, chứng minh:

(Vì sao đánh mất niềm tin vào bản thân là sẽ đánh mất nhiều thứ quý giá khác?)

Ý 1: Niềm tin vào bản thân là niềm tin cần thiết nhất trong mọi niềm tin.

– Niềm tin vào bản thân không chỉ đem lại niềm tin yêu cuộc sống, yêu con người, hi vọng vào những gì tốt đẹp mà còn là nền tảng của mọi thành công.

– Để có được thành công, có cuộc sống tốt đẹp, con người phải biết dựa vào chính bản thân mình chứ không phải dựa vào ai khác, khách quan chỉ là điều kiện tác động, hỗ trợ chứ không phải là yếu tố quyết định thành công.

Ý 2: Đánh mất niềm tin hoặc không tin vào chính khả năng của mình thì con người sẽ không có ý chí, nghị lực để vươn lên

– “Thiếu tự tin là nguyên nhân của phần lớn thất bại” (Bovee). Cuộc sống muôn màu muôn vẻ, đầy những dư vị đắng cay, ngọt ngào, hạnh phúc và bất hạnh, thành công và thất bại, và có những lúc sa ngã, yếu mềm... Nếu con người không có ý chí, nghị lực, niềm tin vào bản thân sẽ không đủ bản lĩnh để vượt qua, không khẳng định được mình, mất tự chủ, dần buông xuôi, rồi dẫn đến đánh mất chính mình.

– Khi đã đánh mất chính mình là đánh mất tất cả, trong đó có những thứ quý giá như: tình yêu, hạnh phúc, cơ hội... thậm chí cả sự sống của mình. Vì vậy, con người biết tin yêu vào cuộc sống, tin vào sức mạnh, khả năng của chính mình, biết đón nhận những thử thách để vượt qua, tất yếu sẽ đạt đến bến bờ của thành công và hạnh phúc.

Ý 3: Niềm tin vào bản thân giúp con người vượt lên mọi thử thách và trưởng thành:

– Trong cuộc sống, có biết bao con người không may mắn, họ phải trải qua nhiều khó khăn, thử thách, bất hạnh. Nhưng càng khó khăn, bản lĩnh của họ càng vững vàng. Họ tin vào ý chí, nghị lực, khả năng của bản thân và họ đã vượt lên, chiến thắng tất cả.

3. Đánh giá – mở rộng:

– Ý kiến chứa đựng một triết lí nhân sinh sâu sắc, hướng con người biết nhận ra và có ý thức gìn giữ chân giá trị của cuộc sống

– **Phê phán:** Trong thực tế cuộc sống, có những người mới va vấp, thất bại lần đầu nhưng không làm chủ được mình, không tin vào mình có thể gượng dậy mà từ đó dẫn đến thất bại:

+ Một học sinh nhút nhát, e sợ, không tin vào năng lực bản thân mình khi đi thi sẽ dẫn đến làm bài không tốt. Cũng có những học sinh thi trượt, tỏ ra chán nản, không còn niềm tin vào bản thân, dễ bỏ cuộc nên sẽ khó có được thành công.

+ Một người khi làm việc, không tự tin vào mình, không có chính kiến của mình mà phải thực hiện theo ý kiến tham khảo của nhiều người khác thì dẫn đến tình trạng “đeo cà giữa đường”, “lắm thầy thôi ma”.

+ Có những người từ nhỏ được sống trong nhung lụa, mọi việc đều có người giúp việc hoặc bố mẹ lo , khi gặp khó khăn họ có thể làm chủ được bản thân, tự mình độc lập để vượt qua?

4. Bài học:

* Nhận thức:

– Tự tin, khiêm tốn, cẩn trọng là những đức tính đáng quý của con người. Nó dẫn con người ta đến bến bờ thành công và được mọi người quý trọng.

– Tuy nhiên, đừng quá tự tin vào bản thân mình mà dẫn đến chủ quan, đừng quá tự tin mà bước sang ranh giới của tự kiêu, tự phụ sẽ thất bại.

* Hành động:

– Học sinh, sinh viên, những người trẻ tuổi phải luôn tự đặt câu hỏi cho mình: phải làm gì để xây dựng niềm tin trong cuộc sống?

– Phải cố gắng học tập và rèn luyện tư cách đạo đức tốt. Việc học phải đi đôi với hành, dám nghĩ, dám làm, tự tin, yêu đời, yêu cuộc sống. Phải biết tránh xa các tệ nạn xã hội, phải luôn làm chủ bản thân.

ĐỀ 4

Trình bày suy nghĩ của mình về câu nói: “Ở trên đời, mọi chuyện đều không có gì khó khăn nếu ước mơ của mình đủ lớn”.

DÀN Ý

1. Giải thích câu nói:

- Ước mơ: là điều tốt đẹp ở phía trước mà con người tha thiết, khao khát, ước mong hướng tới, đạt được.
- Có người đã ví: “Ước mơ giống như ngọn hải đăng, chúng ta là những con thuyền giữa biển khơi bao la, ngọn hải đăng thấp sáng giúp cho con thuyền của chúng ta đi được tới bờ mà không bị mất phương hướng”. Sự ví von quả thật chí lý, giúp người ta hiểu rõ, hiểu đúng hơn về ước mơ của mình.
- **Ước mơ đủ lớn:** là ước mơ khởi đầu từ điều nhỏ bé, trải qua một quá trình nuôi dưỡng, phấn đấu, vượt những khó khăn trở ngại để trở thành hiện thực.
- **Câu nói:** đề cập đến ước mơ của mỗi con người trong cuộc sống. Bằng ý chí, nghị lực và niềm tin, ước mơ của mỗi người sẽ “đủ lớn”, trở thành hiện thực.

2. Phân tích, chứng minh:

Có phải “Ở trên đời, mọi chuyện đều không có gì khó khăn nếu ước mơ của mình đủ lớn”?

Ý 1: Ước mơ của mỗi người trong cuộc đời cũng thật phong phú.

- Có những ước mơ nhỏ bé, bình dị, có những ước mơ lớn lao, cao cả...
- Có ước mơ vụt đến rồi vụt đi; ước mơ luôn đồng hành cùng đời người; ước mơ là vô tận.
- Thật tẻ nhạt, vô nghĩa khi cuộc đời không có những ước mơ.

Ý 2: Ước mơ cũng như một cái cây- phải được ươm mầm rồi trưởng thành.

- Một cây sồi cổ thụ cũng phải bắt đầu từ một hạt giống được gieo và nảy mầm rồi dần lớn lên. Như vậy, ước mơ đủ lớn nghĩa là ước mơ bắt đầu từ những điều nhỏ bé và được nuôi dưỡng dần lên.
- Nhưng để ước mơ lớn lên, trưởng thành thì không dễ dàng mà có được. Nó phải trải qua bao bước thăng trầm, thậm chí phải nếm mùi cay đắng, thất bại. Nếu con người vượt qua được những thử thách, trở ngại, kiên trung với ước mơ, khát vọng, lí tưởng của mình thì sẽ đạt được điều mình mong muốn.

* Dẫn chứng:

- + Ước mơ của chủ tịch Hồ Chí Minh là giải phóng dân tộc, đem lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho dân mình. Trải qua bao gian khổ khó khăn và hi sinh, Người đã theo đuổi đến cùng điều mình mơ ước ước mơ đó đã trở thành hiện thực.
- + Nhiều nhà tư tưởng lớn, những nhà khoa học cho đến những người bình dân, thậm chí những thân thể khuyết tật... vẫn vươn tới, đập bằng mọi khó khăn, cản trở trong cuộc sống để đạt được mơ ước của mình

Ý 3: Nhưng cũng có những ước mơ thật nhỏ bé, bình dị thôi mà cũng không dễ đạt được:

- Những em bé bị mù, những em bé tật nguyền do chất độc da cam, những em bé mắc bệnh hiểm nghèo... vẫn hằng ấp ủ những mơ ước, hi vọng.
- Nhưng cái chính là họ không bao giờ để cho ước mơ của mình lụi tàn hoặc mất đi.

Ý 4: Ước mơ không đến với những con người sống không lí tưởng, thiếu ý chí, nghị lực, lười biếng, ăn bám...

3. Đánh giá – mở rộng:

- Lời bài hát “Ước mơ” cũng là lời nhắc nhở chúng ta: “Mỗi người một ước mơ, nhỏ bé mà lớn lao trong cuộc đời, ước mơ có thể thành, có thể không...”. Thật đúng vậy, mỗi một con người tồn tại trên cõi đời này phải có riêng cho mình ước mơ, hi vọng, lí tưởng, mục đích sống của đời mình.
- Phê phán: Ước mơ có thể thành, có thể không như ta phải biết giữ lòng tin với những ước mơ của mình. Nếu sợ ước mơ bị thất bại mà không dám ước mơ, hay không đủ ý chí, nghị lực mà nuôi dưỡng ước mơ “đủ lớn” thì thật đáng tiếc, đáng phê phán. Cuộc đời sẽ chẳng đạt được điều gì mình mong muốn và sống như thế thật tẻ nhạt, vô nghĩa.

4. Bài học:

* **Nhận thức:** Nếu cuộc đời là chiếc thuyền thì ước mơ là ngọn hải đăng. Thuyền dẫu gặp nhiều phong ba, ngọn hải đăng sẽ là niềm tin, ánh sáng chỉ phương hướng cho thuyền. Mất ngọn hải đăng, con thuyền biết đi đâu về đâu? Vì thế, hai chữ “ước mơ” thật đẹp, thật lớn lao.

* **Hành động:**

– Mỗi người chúng ta hãy nuôi dưỡng cho mình một ước mơ, hi vọng. Nếu ai đó sống không có ước mơ, khát vọng thì cuộc đời tẻ nhạt, vô nghĩa biết nhường nào!

– Phải không ngừng học tập, rèn ý chí, trau dồi kỹ năng sống để biết ước mơ và biến ước mơ thành hiện thực.

ĐỀ 5

Lấy chủ đề: *Chúng ta cần biết quan tâm, chia sẻ với những người gặp hoàn cảnh khó khăn*. Em hãy viết bài văn bày tỏ ý kiến của mình.

DÀN BÀI

1. Mở bài

Giới thiệu vấn đề quan tâm chia sẻ đến những người gặp hoàn cảnh khó khăn

2. Thân bài

2.1 Giải thích

- Sẻ chia: Cùng người khác san sẻ vui buồn, những trạng thái tình cảm, tâm hồn với nhau; cả sự chia sẻ những khó khăn về vật chất, giúp nhau trong hoạn nạn...

=> Khi ta học được cách đồng cảm và chia sẻ tức biết sống vì người khác cũng là lúc mình nhận được niềm vui; ta cảm thấy cuộc đời này thật tuyệt vời. Nếu ai cũng biết "học cách đồng cảm và sẻ chia", trái đất này sẽ thật là "thiên đường".

2.2. Bàn luận

a: *Cuộc sống đầy những khó khăn vì vậy cần lắm những tấm lòng đồng cảm, sẻ chia*

- Sẻ chia về vật chất: Giúp đỡ khi khó khăn, hoạn nạn.

- Sẻ chia về tinh thần: Ánh mắt, nụ cười, lời an ủi, chúc mừng, đôi khi chỉ là sự im lặng cảm thông, lắng nghe.

b: *Sự đồng cảm, sẻ chia được thể hiện trong những mối quan hệ khác nhau*

- Đối với người nhận: giúp họ vượt qua được khó khăn, vươn đến cuộc sống tốt đẹp, hạnh phúc hơn,...

- Đối với người cho: cảm thấy thanh thản, hạnh phúc; bản thân là người có ích cho cộng đồng, xã hội.

- Đồng cảm, sẻ chia và xã hội ngày nay (...)

(Lấy dẫn chứng minh họa)

c: *Phê phán bệnh vô cảm, lối sống ích kỉ, sống thiếu trách nhiệm với đồng loại, với cộng đồng ở một số người.*

2.3. Bài học nhận thức và hành động

- Nhận thức: Đồng cảm, sẻ chia giúp con người thêm sức mạnh để vượt qua những thử thách, những nghịch cảnh của cuộc đời. Đó cũng là một trong những phẩm chất "người", kết tinh giá trị nhân văn cao quý ở con người.

- Hành động: Phải học cách đồng cảm, sẻ chia và phân biệt đồng cảm, sẻ chia với sự thương hại, ban ơn...Ai cũng có thể đồng cảm, sẻ chia với những người quanh mình với điều kiện và khả năng có thể của mình.

- Cuộc sống sẽ đẹp vô cùng khi con người biết đồng cảm, sẻ chia. Đó cũng là truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta.

3. Kết bài: Tổng kết vấn đề

ĐỀ 6

Viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của em về câu nói sau: Sách mở rộng trước mắt tôi những chân trời mới.

DÀN BÀI

1. Mở bài

- Giới thiệu M. Goóc-ki và quá trình tự rèn luyện để trở thành một nhà văn nổi tiếng, phần lớn nhờ đọc sách.
- Dẫn đề (ghi lại câu nói của M. Goóc-ki).
- Chuyển mạch: giải thích câu nói, nêu cách chọn sách và phương pháp đọc sách.

2. Thân bài

a. Giải thích

- * Sách chứa đựng tri thức loài người, được chọn lọc, tích lũy từ ngàn xưa, là công cụ truyền lưu văn hóa nhân loại.
- * Sách mở rộng những chân trời mới
- Mở rộng hiểu biết về thế giới tự nhiên và vũ trụ.
- Mở rộng hiểu biết về loài người, các dân tộc xa lạ: đời sống vật chất, tinh thần, tình cảm, văn hóa của họ.
- Rèn luyện nhân cách, nuôi dưỡng khát vọng, ước mơ của ta.

b. Bàn luận

*** Chọn sách tốt, sách tốt giúp ta**

- Nhận thức đúng sự vật, sự việc, con người.
 - Hành động đúng và tiến bộ.
 - Nâng cao phẩm chất đạo đức, làm phong phú đời sống tinh thần.
- ##### *** Loại bỏ sách xấu, vì sách xấu**
- Bóp méo sự thật, xuyên tạc lịch sử.
 - Khích động những thị dục thấp hèn.
 - Thúc đẩy những hành vi sai trái, hành động vô đạo đức.

• Dẫn chứng.

*** Cách đọc sách**

- Chọn thời gian và nơi đọc thích hợp.
 - Chọn lọc, tiếp thu những tri thức tốt, bổ sung kiến thức bản thân.
- ##### **• Dẫn chứng.**

3. Kết bài

- Tóm lược những chân trời mới mà sách có thể mở rộng cho ta.
- Sách gắn liền với nền văn minh của nhân loại.

ĐỀ 7

Trường học, nơi nuôi dưỡng những mầm non của đất nước, nơi không chỉ dạy kiến thức mà còn rèn luyện ý thức, nhân cách mỗi con người. Vậy mà, vấn nạn vứt rác vẫn tồn tại hàng ngày. Em hãy viết bài văn nêu suy nghĩ của em về vấn đề vứt rác bừa bãi ở trường em đang theo học.

DÀN BÀI

1. Mở bài: Giới thiệu chung

2. Thân bài

2.1 Thực trạng

- Trong lớp học, học sinh khi dùng xong đồ ăn thường bỏ rác vào ngăn bàn học dù bất kì lớp học nào cũng đều có thùng rác.

- Một hiện tượng khác cũng rất hay xuất hiện ở trường học đó là học sinh thường vứt rác qua cửa sổ phòng học nếu sát bên cạnh là vườn hoa, sân thể dục. Bạn có thể tìm bất cứ góc khuất cạnh cửa sổ nào đó, vườn hoa hay sân cỏ đầy túi sữa, túi nilon được thả xuống.

2.2 Nguyên nhân

- Trước hết, về mặt chủ quan thì điểm quan trọng nhất chính là ý thức của mỗi người.

- Thứ hai về mặt khách quan, một số trường học không đáp ứng đủ số lượng thùng rác trong khuôn viên trường hay thùng rác không được đặt ở những vị trí hợp lí làm học sinh phải đi cả dãy nhà mới có thể vứt được rác.

- Một nguyên nhân khác nữa là khi học sinh vi phạm, phụ huynh hay thầy cô nhà trường còn xử phạt quá nhẹ hoặc thậm chí coi đó không phải là lỗi lầm cần phải sửa sai.

2.3 Hệ quả

- Trước hết, việc vứt rác bừa bãi sẽ gây ô nhiễm môi trường nhất là môi trường đất, môi trường nước và không khí của trường học và khu dân cư xung quanh.

- Thứ hai, việc vứt rác bừa bãi sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe con người, gây ra nhiều dịch bệnh nhất là các bệnh truyền nhiễm.

- Thứ ba, việc vứt rác bừa bãi nếu không được quán triệt sẽ gây nên một thói quen xấu cho thế hệ tương lai.

2.4 Giải pháp

- Tăng cường ý thức, trách nhiệm của mỗi học sinh, giáo viên trong nhà trường về việc vứt rác đúng nơi quy định kể cả những thứ nhỏ nhất. Giáo viên trong nhà trường luôn phải là tấm gương cho học sinh của mình, họ có ý thức cao trong việc vứt rác đúng nơi quy định thì học sinh nhất là lứa tuổi tiểu học mới có thể noi theo và học tập.

- Bên cạnh đó, nhà trường nên tăng cường tổ chức các buổi ngoại khóa nói về tác hại của việc ô nhiễm môi trường sống để học sinh có thể hiểu rõ về sự bức thiết cũng như lời kêu cứu của mẹ thiên nhiên hiện tại.

- Ngoài ra, nhà trường cần có những quy định và những hình phạt nghiêm khắc đối với những cá nhân vứt rác bừa bãi trong khuôn viên trường.

3. Kết bài: Tổng kết vấn đề

ĐỀ 8

Lúc sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định: “Học với hành phải đi đôi. Học mà không hành thì học vô ích. Hành mà không học thì hành không trôi chảy”. Em hiểu lời dạy trên thế nào? Hãy trình bày ý kiến của mình bằng một bài văn nghị luận.

1. Mở bài

Sự tương quan chặt chẽ giữa học và hành là vấn đề được nhiều người quan tâm. Học và hành có tầm quan trọng ngang nhau. Bàn về vấn đề này, Chủ tịch Hồ Chí Minh có nói: *Học để hành, học với hành phải đi đôi. Học mà không hành thì học vô ích, hành mà không học thì hành không trôi chảy.*

2. Thân bài

Giải thích:

Thế nào là học và hành? Tại sao học với hành phải đi đôi?

Học là tiếp thu tri thức củ

a nhân loại thông qua hoạt động học tập ở nhà trường hoặc qua sách vở. Hành là vận dụng những kiến thức đã học vào thực tế đời sống.

Tại sao học với hành phải đi đôi?

- + Học mà không hành thì học vô ích, chỉ biết lí thuyết suông. Lí thuyết suông thì vô dụng.
- + Hành mà không học thì hành không đạt kết quả tốt vì thiếu cơ sở lý thuyết. Hành mù quáng dễ gây nguy hại.

Bình luận

Khẳng định ý kiến trên của Chủ tịch Hồ Chí Minh là đúng đắn và có ý nghĩa sâu sắc.

- + Học mà không hành thì học vô ích. Lí thuyết chỉ có sức mạnh khi nó được vận dụng vào thực hành.
- + Mục đích của việc học là để không ngừng nâng cao trình độ hiểu biết, nhằm phục vụ công việc hiệu quả cao hơn, tốt hơn. Không có gì quan trọng hơn, học là để hành nhằm tạo ra những giá trị hữu ích cho chính mình và cho người khác.
- + Vì vậy, học mà không hành thì chỉ nắm lý thuyết mà không vận dụng lý thuyết đó vào thực tế khiến cho việc học trở thành vô ích vì mất thời gian, tiền của, công sức mà không mang lại lợi ích thiết thực, cụ thể nào.
- + Hành mà không học thì hành không trôi chảy. Không thể làm đúng, tạo ra giá trị mà không hề biết gì về cách làm, các bước thực hiện và kết quả cần đạt tới.
- + Người chỉ làm việc (hành) theo thói quen và kinh nghiệm, không có lý thuyết (học) soi sáng thì công việc sẽ tiến triển chậm chạp, hiệu quả thấp, thậm chí là thất bại và gây ra những tổn hại lớn. Đối với những công việc đòi hỏi phải có những hiểu biết về khoa học, kỹ thuật mới thực hiện được thì nhất thiết phải học và học không ngừng.
- + Trong thời đại khoa học kỹ thuật phát triển nhanh chóng như hiện nay, nếu không học tập nghiêm túc, ta sẽ không đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của xã hội.
- + Quan niệm nêu trên của Chủ tịch Hồ Chí Minh là quan niệm rất khoa học dựa trên cơ sở thực tiễn. Giữa học và hành có mối quan hệ hết sức chặt chẽ. Học đóng vai trò chỉ đạo, soi sáng cho hành, hướng dẫn thực hành, rút ngắn thời gian mò mẫm, thử nghiệm, nâng cao chất lượng công việc. Hành giúp cho việc vận dụng, củng cố, bổ sung và hoàn chỉnh lý thuyết đã học.

3. Kết bài

Học nhất định phải đi đôi với hành. Cả hai đều rất quan trọng, quyết định sự thành bại của công việc. Ta không nên coi nhẹ mặt nào. Có như vậy thì hiệu quả học tập và lao động sản xuất mới được nâng cao. Ý kiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh là kim chỉ nam trong học tập và trong đời sống của mỗi người

ĐỀ 9

Trò chơi điện tử đang trở thành trò chơi tiêu khiển hấp dẫn, nhất là đối với các bạn học sinh. Nhiều bạn vì mãi chơi nên sức học ngày càng giảm sút và còn phạm những sai lầm khác. Hãy viết một bài văn nghị luận nêu suy nghĩ của em về hiện tượng đó.

DÀN BÀI

1. Mở bài:

- Khái quát về tác hại của trò chơi điện tử.
- Nêu vấn đề cần nghị luận.

2. Thân bài:

a. Hiện trạng:

- Số lượng cửa hàng dịch vụ trò chơi điện tử nhiều và ngày càng gia tăng.
- Nó đã thu hút rất nhiều đối tượng, mọi lứa tuổi, đặc biệt là học sinh ở độ tuổi mới lớn, ưa thích khám phá cái mới.

- Nhiều bạn học sinh ngồi hàng giờ, hàng ngày trước màn hình máy tính, mê mẩn với những trò chơi trên máy mà sao chẳng học hành và còn phạm nhiều sai lầm khác nữa...

b. Nguyên nhân:

- Trò chơi điện tử hiện nay đang thu hút mọi người bởi tính đa dạng và phong phú của nó.
- Đây là một thú vui tiêu khiển rẻ tiền, dễ chơi với những âm thanh, đồ họa rất sống động, bắt mắt, mới lạ, hợp với tính cách của giới trẻ.
- Do bản thân chưa có ý thức tự giác, còn mãi chơi; do gia đình, bố mẹ còn lỏng lẻo trong việc quản lý con cái...

c. Tác hại:

- Đam mê trò chơi điện tử: tốn thời gian dễ khiến học sinh sao nhãng việc học tập, dẫn đến kết quả thấp kém, trốn học, bỏ học...
- Ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe con người: cận thị, đầu óc mệt mỏi...
- Chơi game nhiều, sống với thế giới ảo sẽ làm đầu óc mù mẫm, ảo giác, thiếu vốn sống thực tế...
- Dễ có tiền chơi điện tử, người chơi có thể trở thành kẻ trộm cắp, cướp giật, thậm chí gây nhiều tội ác khác...
- Bị ảnh hưởng bởi những nội dung không lành mạnh hoặc bị bạn bè xấu rủ rê, lôi kéo dễ mắc vào các tệ nạn xã hội...

(Nêu một vài dẫn chứng cụ thể).

d. Giải pháp khắc phục, lời khuyên:

Việc mãi chơi điện tử rất nguy hại với lứa tuổi học sinh. Vì vậy:

- Mỗi học sinh cần phải có ý thức tự giác, thực hiện qui định về thời gian, không ảnh hưởng đến học tập...
 - Các bậc phụ huynh cần quản lý con em mình chặt chẽ
 - Nhà trường và các tổ chức xã hội cần tổ chức các sân chơi bổ ích và lành mạnh nhằm thu hút các em.
 - Các cơ quan chức năng cần quản lý và kiểm soát chặt chẽ các dịch vụ điện tử, cần có hình thức xử phạt nghiêm đối với các đối tượng vi phạm
- (Học sinh có thể nêu những giải pháp hợp lý khác)
- Liên hệ thực tế, đưa ra lời khuyên thiết thực.

3. Kết bài:

- Khái quát nhận định của cá nhân về vấn đề nghị luận.
- Hơn ai hết, bản thân mỗi bạn trẻ cần ý thức rõ ràng những mặt lợi, mặt hại của trò chơi điện tử để tự điều chỉnh mình, tự rèn luyện ý thức tự giác.
- Chỉ nên xem đây là thú tiêu khiển mang tính giải trí để không quá lạm dụng nó, phụ thuộc vào nó.

ĐỀ 10

Bác Hồ đã từng nói: “Một năm khởi đầu từ mùa xuân. Một đời bắt đầu từ tuổi trẻ. Tuổi trẻ là mùa xuân của xã hội.” Từ câu nói của Người, em có suy nghĩ gì về mối quan hệ giữa tuổi trẻ và tương lai đất nước?

DÀN BÀI

1. Mở bài:

- Dẫn dắt, nêu vai trò của tuổi trẻ đối với tương lai của đất nước.
- Dẫn lời nhận định ban đầu của Bác

2. Thân bài:

* Giải thích thế nào là tuổi trẻ?

+ Tuổi trẻ là lứa tuổi thanh niên, thiếu niên. Là lứa tuổi được học hành, được trang bị kiến thức và rèn luyện đạo đức, sức khỏe, chuẩn bị cho việc vào đời và làm chủ xã hội tương lai.

+ Tuổi trẻ là những người chủ tương lai của đất nước, là chủ của thế giới, động lực giúp cho xã hội phát triển. Một trong những việc làm quan trọng nhất của tuổi trẻ chính là nhiệm vụ học tập.

* Vì sao thế hệ trẻ lại ảnh hưởng đến tương lai đất nước?

+ Thanh niên học sinh hôm nay sẽ là thế hệ tiếp tục bảo vệ, xây dựng đất nước sau này.

+ Vốn tri thức được học và nền tảng đạo đức được nhà trường giáo dục là quan trọng, cơ bản để tiếp tục học cao, học rộng, đem ra thực hành trong cuộc sống khi trưởng thành.

+ Một thế hệ trẻ giỏi giang, có đạo đức hôm nay hứa hẹn có một lớp công dân tốt trong tương lai gần. Do đó, việc học hôm nay là rất cần thiết.

+ Thế giới không ngừng phát triển, muốn “sánh vai các cường quốc” thì đất nước phải phát triển về khoa học kỹ thuật, văn minh – điều đó do con người quyết định mà nguồn gốc sâu xa là từ việc học tập, tu dưỡng thời trẻ.

* Thực tế đã chứng minh, việc học tập của tuổi trẻ tác động lớn đến tương lai đất nước.

– Những người có sự chăm chỉ học tập, rèn luyện khi còn trẻ thì sau này đều có những cống hiến quan trọng cho đất nước:

+ Ngày xưa: Những người tài như Lí Công Uẩn, Trần Quốc Tuấn, Nguyễn Trãi,... từ thời trẻ đã chăm chỉ luyện rèn, trưởng thành lập những chiến công làm rạng danh đất nước.

+ Ngày nay: Chủ tịch Hồ Chí Minh là một tấm gương sáng. Các nhà khoa học xã hội có nhiều đóng góp cho đất nước trong mọi lĩnh vực như nhà bác học Lương Định Của, tiến sĩ Tạ Quang Bửu, anh hùng lao động Trần Đại Nghĩa, ...

– Từ xưa đến nay, thế hệ trẻ luôn là lực lượng tiên phong, xông pha vào những nơi gian khổ mà không ngại gian khó, hi sinh.

+ Trong chiến tranh: (Dẫn chứng cụ thể)

+ Trong thời bình: (Dẫn chứng cụ thể)

Các thế hệ học sinh, sinh viên ngày nay cũng đang ra sức luyện tài, đã gặt hái được những thành công trong học tập, nghiên cứu khoa học... đó sẽ là tiền đề quan trọng để đưa đất nước phát triển hơn trong tương lai.

* Làm thế nào để phát huy được vai trò của tuổi trẻ?

– Đảng và nhà nước cần có những chính sách ưu tiên hơn nữa cho việc đào tạo thế hệ trẻ.

– Nhà trường phải đẩy mạnh công tác giáo dục thế hệ trẻ về tài, đức.

– Mỗi người trẻ cần ý thức được trách nhiệm của bản thân đối với sự phát triển của đất nước, phải chăm chỉ học hành, rèn luyện đạo đức...

3. Kết bài:

– Khẳng định tầm quan trọng của việc học tập, rèn luyện của thế hệ trẻ đối với tương lai của đất nước.

– Liên hệ bản thân, rút ra bài học...

ĐỀ 11

Hãy nói “không” với các tệ nạn

I. Mở bài:

Nêu khái quát vấn đề để dẫn vào bài (VD: Đất nước chúng ta đang trên con đường công nghiệp hoá, hiện đại hóa để tiến tới một xã hội công bằng dân chủ văn minh. Để làm được điều đó, chúng ta phải vượt qua các trở ngại, khó khăn. Một trong những trở ngại đó là các tệ nạn xã hội. Và đáng sợ nhất chính là ma túy, mối nguy hiểm không của riêng ai).

II. Thân bài

1. Giải thích thuật ngữ

- Tệ nạn xã hội: Tệ nạn xã hội là những hành vi sai trái, không đúng với chuẩn mực xã hội, vi phạm đạo đức, pháp luật, gây ảnh hưởng nghiêm trọng. Tệ nạn xã hội là mối nguy hiểm, phá vỡ hệ thống xã hội văn minh, tiến bộ, lành mạnh. Các tệ xã hội thường gặp là: Tệ nạn ma túy, mại dâm, đua xe trái phép... và trong đó ma túy là hiện tượng đáng lo ngại nhất, không chỉ cho nước ta mà còn cho cả thế giới.

- Ma túy: Là một chất gây nghiện có nguồn gốc tự nhiên hay tổng hợp. Khi ngấm vào cơ thể con người, nó sẽ làm thay đổi trạng thái, ý thức, trí tuệ và tâm trạng của người đó, khiến người sử dụng có cảm giác lâng lâng, không tự chủ được mọi hành vi hoạt động của mình, ảnh hưởng xấu đến sức khỏe.

- Ma túy tồn tại ở rất nhiều dạng như hồng phiến, bạch phiến, thuốc, lác ... dưới nhiều hình thức tinh vi khác nhau như uống, chích, kẹo...

2. Làm rõ tác hại của ma túy

a. Đối với cá nhân người nghiện (có thể trình bày theo ba vấn đề: Sức khỏe, tinh thần, thể chất)

- Gây suy giảm hệ miễn dịch, giảm khả năng đề kháng làm cho người bệnh dễ mắc các bệnh khác;

- Ma túy chính là con đường dễ dàng đi đến những căn bệnh nguy hiểm dễ lây lan đặc biệt là HIV/AIDS;

- Người nghiện ma túy sức khỏe yếu dần, không có khả năng lao động, trở thành gánh nặng cho gia đình, xã hội.

- Nghiện ma túy khiến cho con người u mê, tăm tối; từ người khỏe mạnh trở nên bệnh tật, từ đứa con ngoan trong gia đình trở nên hư hỏng, từ công dân tốt của xã hội trở thành đối tượng cho luật pháp. Khi đói thuốc, con nghiện sẽ làm bất cứ điều gì kể cả tội ác: Cướp giết, trộm cắp, giết người...

b. Đối với gia đình

- Làm cho kinh tế gia đình suy sụp

- Làm tan vỡ hạnh phúc gia đình ...

c. Đối với xã hội

- Là một trong những nguyên nhân dẫn đến các tệ nạn xã hội khác như trộm cắp, cướp giết, mại dâm ... làm cho an ninh xã hội bất ổn.

- Làm hao tiền tốn của của quốc gia (do phải phòng chống, lập trại cai nghiện, ...)

- Những con nghiện mà không được gia đình chấp nhận sẽ đi lang thang làm mất vẻ mỹ quan, văn minh lịch sự, vật vờ trên những con đường của xã hội.

- Làm suy giảm giống nòi ...

3. Từ việc nêu và phân tích tác hại cần khẳng định: Phải nói "không" với ma túy

4. Biện pháp (Sau khi khẳng định nói "không" cần dẫn để nêu lên biện pháp phòng chống ma túy):

- Có kiến thức về tác hại, cách phòng tránh ma túy, từ đó tuyên truyền cho mọi người về tác hại của nó.

- Hãy tránh xa với ma túy bằng mọi cách, mọi người nên có ý thức sống lối sống lành mạnh, trong sạch, không xa hoa, luôn tỉnh táo, đủ bản lĩnh để chống lại mọi thử thách, cám dỗ của xã hội.

- Nhà nước cần phải có những hình thức xử phạt nghiêm khắc, triệt để đối với những hành vi tàng trữ, buôn bán vận chuyển trái phép ma túy.

- Đồng thời cũng phải đưa những người nghiện vào trường cai nghiện, tạo công ăn việc làm cho họ, tránh những cảnh "nhàn cư vi bất thiện", giúp họ nhanh chóng hoà nhập với cuộc sống cộng đồng, không xa lánh, kì thị họ.

- Tham gia các hoạt động truyền thống tề nạn xã hội ...

III. Kết bài:

Rút ra kết luận: Ma túy kinh khủng là thế nên mỗi chúng ta phải biết tự bảo vệ mình, tránh xa những tệ nạn xã hội, tránh xa ma túy.

ĐỀ 12

Bác Hồ đã dạy: “Việc học là công việc suốt đời”.

Em hãy giải thích lời dạy trên và chứng minh đó là một quan niệm đúng đắn.

DÀN BÀI

Học hỏi là việc học sinh tiếp thu kiến thức của nhân loại dưới sự hướng dẫn của thầy cô giáo.

2. Lời dạy bảo của Bác có ý nghĩa khuyên chúng ta phải luôn học hỏi không ngừng, học hỏi suốt đời trong nhà trường và ngoài xã hội.

3. Đây là một quan điểm đúng đắn nhất, bởi vì kiến thức của nhân loại bao la mênh mông như biển cả còn sự hiểu biết của mỗi người chúng ta chỉ nhỏ như giọt nước.

4. Lời nhận định có giá trị về mặt giáo dục con người mới, giáo dục lý tưởng sống cao quý.

5. Mỗi học sinh phải xác định cho mình động cơ học tập là vì Tổ quốc, vì nhân dân; học để trở thành người lao động mới có khả năng, trình độ để phục vụ đất nước.

* Một số dẫn chứng minh họa cho vấn đề nghị luận:

1. Biển học vô bờ, siêng năng là bến. (Danh ngôn)

2. Học tập là hạt giống của kiến thức, kiến thức là hạt giống của hạnh phúc. (Ngạn ngữ Gruzia)

3. Nhà bác học không có nghĩa là ngừng học. (Đác-uyn)

4. Đường đời là chiếc thang không nấc chót, việc học là quyển sách không trang cuối cùng. (Kalinin)

5. Học khôn, học đến chết

Học khéo, học đến già. (Tục ngữ Thái)

ĐỀ 13

Hiện nay, trong học sinh còn một số bạn có trang phục chưa phù hợp. Hãy viết bài văn khuyên các bạn lựa chọn trang phục sao cho thể hiện được nét đẹp của người có văn hóa.

DÀN BÀI

a. **MB:** Nêu được vấn đề cần nghị luận : chọn trang phục phù hợp để thể hiện nét đẹp của người có văn hóa.

b. **TB:** : Lần lượt trình bày các luận điểm sau

– Những biểu hiện của hiện tượng chọn trang phục không phù hợp trong các bạn học sinh.

– Đánh giá hiện tượng đó và nêu tác hại.

– Nguyên nhân.

– Đề xuất hướng khắc phục.

c. **KB:** Đánh giá chung về hiện tượng. Liên hệ bản thân.

ĐỀ 14

“Sự bổ ích của những chuyến tham quan du lịch của học sinh”. Em hãy làm sáng tỏ vấn đề trên.

* **MB:** Nêu được lợi ích của việc tham quan.

* **TB:** Nêu các lợi ích cụ thể:

– Về thể chất: những chuyến tham quan du lịch có thể giúp chúng ta thêm khỏe mạnh.

– Về tinh cảm: những chuyến tham quan du lịch có thể giúp chúng ta :

+ Tìm thêm được nhiều niềm vui cho bản thân mình;

+ có thêm tình yêu đối với thiên nhiên, với quê hương đất nước

- + Về kiến thức: những chuyến tham quan du lịch có thể giúp chúng ta:
 - + Hiểu cụ thể hơn sau những điều được học trong trường lớp qua những điều mắt thấy tai nghe;
 - + Đưa lại nhiều bài học có thể còn chưa có trong sách vở của nhà trường.
- * **KB:** KHẳng định tác dụng của việc tham quan.

ĐỀ 15

Nhà văn Nguyễn Bá Học có nói:

“Đường đi khó, không khó vì ngăn sông cách núi, mà khó vì lòng người ngại núi e sông”.

Em hiểu câu danh ngôn trên như thế nào? Từ đó, em rút ra được bài học gì cho bản thân?

1. MB::

- Sức mạnh của ý chí quyết định sự thành bại trong mọi công việc. Thiếu ý chí thì sẽ khó vượt qua trở ngại để thành công.
- Dẫn câu danh ngôn.

2. TB::

a. Giải thích ý nghĩa câu nói:

- *Nghĩa đen:* Đường đi có nhiều chướng ngại, vất vả. Ta muốn đến nơi phải quyết tâm vượt qua núi cao sông sâu.
- *Nghĩa bóng:* + *Đường:* Dẫn đến đích mà con người muốn đạt được
- + *Sông, núi:* Những trở ngại lớn của hoàn cảnh khách quan.
- + *Lòng người:* Ý chí, nghị lực của con người.
- Sức mạnh của ý chí giúp con người vượt qua mọi khó khăn, trở ngại để thành công.

b. Vì sao đường đi không khó vì ngăn sông cách núi mà khó vì lòng người ngại núi e sông:

- *Vì sao đường đi không khó vì những trở ngại khách quan?* (Trong cuộc đời tuy có nhiều trở ngại thật, nhưng không phải là không thể chiến thắng. Núi cao đến mấy, sông rộng đến mấy, người ta vẫn có thể vượt qua. Cũng vậy, mọi khó khăn, gian lao trên đường đời chỉ là thử thách ý chí, nghị lực của ta chứ không thể làm cho ta lùi bước nếu ta quyết tâm).

– *Vì sao đường đi lại khó vì lòng người ngại núi e sông?* (Điều kiện quyết định để thực hiện ý muốn của mình là ý chí và nghị lực. Với lòng quyết tâm, con người có thể vượt qua thử thách để đạt mục đích mà mình đã chọn. Thiếu ý chí, thiếu nghị lực thì cho dầu đường đời thuận lợi, cũng

khó vượt qua để đến đích).

** Dẫn chứng:*

- Trong sách vở, tác phẩm văn học.
- Trong lịch sử, trong thực tế (gương các danh nhân, các gương vượt khó trong cuộc sống...)

c. Rút ra bài học: Xem việc rèn luyện ý chí là không thể xao lãng. Chỉ có quyết tâm vượt khó mới đem lại thành công trên đường đời.

3. KB::

- Câu danh ngôn là một chân lí, khẳng định vai trò của ý chí, quyết tâm và nghị lực trong cuộc sống.
- Liên hệ thực tế bản thân trong học tập và cuộc sống.

ĐỀ 16

Viết một bài văn nghị luận bày tỏ ý kiến của em về vấn đề bạo lực học đường.

a, MB: Giới thiệu chung về vấn đề bạo lực học đường.

b, TB:

b.1. Giải thích:

Bạo lực học đường là gì? (hành động xúc phạm đến danh dự, thân thể của học sinh, thầy cô giáo...)

b.2. Những biểu hiện hoặc một số trường hợp mà em chứng kiến hoặc xem trên báo đài. Ví dụ:

- Thầy cô giáo xúc phạm học sinh, đánh đập học sinh...
- Học sinh đe dọa, hành hung thầy cô...
- Học sinh đánh bạn, đe dọa bạn...

b.3. Nêu được một số lý do. Ví dụ

- Do thiếu sự quan tâm của gia đình.
- Do tác động của xã hội: do mê game, phim ảnh bạo lực; do kẻ xấu lôi kéo...
- Kỷ luật chưa nghiêm minh.
- Nhà trường chú ý nhiều đến việc truyền thụ tri thức, xem nặng bằng cấp, học vị...

b.4. Tác hại:

- Ảnh hưởng đến sức khỏe và tinh thần của người bị hại.
- Ảnh hưởng đến uy tín, danh dự của gia đình và nhà trường.
- Tạo thói quen xấu: thích hành hung người khác; đồng tình với các ác, cái xấu; vô cảm trước những hành vi sai trái.

b.5. Biết nêu một vài cách thức để hạn chế bạo lực học đường: (phần này tùy sáng tạo của HS) Ví dụ:

- Gia đình cần quan tâm nhiều hơn, phối hợp thường xuyên với nhà trường và xã hội để quản lý, giáo dục học sinh.
- Nhà trường cần chú ý nhiều đến việc giáo dục đạo đức, kỹ năng sống để các em ứng phó với mọi tình huống. Thầy cô quan tâm nhiều hơn đối với học sinh.
- Hạn chế tác động của xã hội bằng cách kiểm soát kỹ game, phim ảnh bạo lực...

c, KB:

- Bày tỏ thái độ lên án nạn bạo lực học đường.
- Kêu gọi mọi người chung tay để xóa bỏ tận gốc rễ hiện tượng này.

ĐỀ 17

Tuổi trẻ là tương lai của đất nước

a) Mở bài:

- Dẫn dắt, nêu vai trò của tuổi trẻ đối với tương lai của đất nước.
- Có thể dẫn dắt lời thư của Bác Hồ: “*Non sông Việt Nam...công học tập của các em*” hoặc một số câu khác có nội dung tương tự. (0,5 đ)

b) Thân bài:

*** Giải thích thế nào là tuổi trẻ?**

- + Tuổi trẻ là lứa tuổi thanh niên, thiếu niên. Là lứa tuổi được học hành, được trang bị kiến thức và rèn luyện đạo đức, sức khỏe, chuẩn bị cho việc vào đời và làm chủ xã hội tương lai.
- + Tuổi trẻ là những người chủ tương lai của đất nước, là chủ của thế giới, động lực giúp cho xã hội phát triển. Một trong những việc làm quan trọng nhất của tuổi trẻ chính là nhiệm vụ học tập.

*** Vì sao thế hệ trẻ lại ảnh hưởng đến tương lai đất nước?**

- + Thanh niên học sinh hôm nay sẽ là thế hệ tiếp tục bảo vệ, xây dựng đất nước sau này.
- + Vốn tri thức được học và nền tảng đạo đức được nhà trường giáo dục là quan trọng, cơ bản để tiếp tục học cao, học rộng, đem ra thực hành trong cuộc sống khi trưởng thành.
- + Một thế hệ trẻ giỏi giang, có đạo đức hôm nay hứa hẹn có một lớp công dân tốt trong tương lai gần. Do đó, việc học hôm nay là rất cần thiết.
- + Thế giới không ngừng phát triển, muốn “sánh vai các cường quốc” thì đất nước phải phát triển về khoa học kỹ thuật, văn minh – điều đó do con người quyết định mà nguồn gốc sâu xa là từ việc học tập, tu dưỡng thời trẻ.

*** Thực tế đã chứng minh, việc học tập của tuổi trẻ tác động lớn đến tương lai đất nước.**

– Những người có sự chăm chỉ học tập, rèn luyện khi còn trẻ thì sau này đều có những cống hiến quan trọng cho đất nước:

+ Ngày xưa: Những người tài như Lí Công Uẩn, Trần Quốc Tuấn, Nguyễn Trãi,... từ thời trẻ đã chăm chỉ luyện rèn, trưởng thành lập những chiến công làm rạng danh đất nước.

+ Ngày nay: Chủ tịch Hồ Chí Minh là một tấm gương sáng. Các nhà khoa học xã hội có nhiều đóng góp cho đất nước trong mọi lĩnh vực như nhà bác học Lương Định Của, tiến sĩ Tạ Quang Bửu, anh hùng lao động Trần Đại Nghĩa, ...

– Từ xưa đến nay, thế hệ trẻ luôn là lực lượng tiên phong, xông pha vào những nơi gian khổ mà không ngại gian khó, hi sinh.

+ Trong chiến tranh: (Dẫn chứng cụ thể)

+ Trong thời bình: (Dẫn chứng cụ thể)

Các thế hệ học sinh, sinh viên ngày nay cũng đang ra sức luyện tài, đã gặt hái được những thành công trong học tập, nghiên cứu khoa học... đó sẽ là tiền đề quan trọng để đưa đất nước phát triển hơn trong tương lai.

*** Làm thế nào để phát huy được vai trò của tuổi trẻ?**

– Đảng và nhà nước cần có những chính sách ưu tiên hơn nữa cho việc đào tạo thế hệ trẻ.

– Nhà trường phải đẩy mạnh công tác giáo dục thế hệ trẻ về tài, đức.

– Mỗi người trẻ cần ý thức được trách nhiệm của bản thân đối với sự phát triển của đất nước, phải chăm chỉ học hành, rèn luyện đạo đức...

c) Kết bài:

– Khẳng định tầm quan trọng của việc học tập, rèn luyện của thế hệ trẻ đối với tương lai của đất nước.

– Liên hệ bản thân, rút ra bài học...

ĐỀ 18

Văn học và tình thương

1. Mở bài:

- Lòng nhân ái, tình yêu thương giữa con người với con người là đạo lí của dân tộc ta và nhiều dân tộc khác trên thế giới.

- Văn học, với chức năng cao cả của nó, luôn luôn ngợi ca những tấm lòng nhân ái “thương người như thể thương thân”, đồng thời cũng lên án những kẻ thờ ơ, dửng dưng hoặc nhẫn tâm chà đạp lên số phận con người.

2. Thân bài:

a) Mối quan hệ giữa văn học và tình thương

- Theo Hoài Thanh (ý nghĩa văn chương) thì nguồn gốc cốt yếu của văn chương là lòng thương người...

- Các tác phẩm văn chương thường khơi gợi tình thương và lòng nhân ái của con người...).

b) Văn học ca ngợi lòng nhân ái

- Trước hết là những tình cảm ruột thịt trong mỗi gia đình:

+ Cha mẹ yêu thương, hết lòng, hi sinh vì con cái.

+ Con cái hiếu thảo, yêu thương, kính trọng cha mẹ.

+ Anh chị em ruột thịt yêu thương, đùm bọc nhau.

(Dẫn chứng):

+ Người mẹ trong Cổng trường mở ra, Mẹ tôi...

+ Người cha trong Lão Hạc, Mẹ tôi...

+ Hai anh em Thành - Thủy trong (Cuộc chia tay của những con búp bê).

- Tình làng nghĩa xóm.

(Dẫn chứng: Ông giáo với lão Hạc, bà lão láng giềng với gia đình chị Dậu...)

- Tình đồng nghiệp, bạn bè, thầy trò...

(Dẫn chứng: 3 nhân vật họa sĩ trong Chiếc lá cuối cùng, cô giáo và các bạn của Thủy trong Cuộc chia tay của những con búp bê...).

c) Văn học phê phán những kẻ thờ ơ hoặc nhẫn tâm chà đạp lên số phận con người

- Những kẻ thiếu tình thương ngay trong gia đình.

(Dẫn chứng: Bà cô bé Hồng trong Trong lòng mẹ, ông bố nghiện ngập trong Cô bé bán diêm...).

- Những kẻ lạnh lùng, độc ác ngoài xã hội.

(Dẫn chứng: Vợ chồng nghị Quế trong Tắt đèn, những người qua đường đêm giao thừa trong Cô bé bán diêm..).

3. Kết bài:

Liên hệ thực tế và mong ước của em.

NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

Đề 1:

Phân tích vẻ đẹp tâm hồn của người tù cách mạng qua hai bài thơ Khi con tu hú và Ngắm trăng.

1. Mở bài:

Học sinh cần giới thiệu được:

Những nét thật cơ bản về hai tác giả, hai tác phẩm và khẳng định được đây là hai sáng tác đặc sắc nhất về hình ảnh người tù cách mạng trong các sáng tác thuộc dòng văn học cách mạng Việt Nam trước cách mạng nói riêng và thơ ca cách mạng nói chung.

2. Thân bài.

Xuất phát từ nội dung và nghệ thuật của hai bài thơ, học sinh có thể làm nổi bật vẻ đẹp tâm hồn của những người tù cách mạng qua hai bài thơ như sau:

- Tình yêu thiên nhiên đất nước, yêu cái đẹp luôn thường trực trong trái tim những người tù mà ở đây là (Hồ Chí Minh, Tố Hữu). Có lẽ bởi trước hết họ là nhà thơ, là những người nghệ sỹ biết trân trọng và sáng tạo nên cái đẹp.

+ Ở bài thơ “ Khi con tu hú ” là bức tranh thiên nhiên đồng quê vô cùng khoáng đạt, thanh bình, nên thơ. Có bầu trời xanh lồng lộng. Có sắc vàng của bắp, sắc đào của nắng. Có cánh chim tu hú chao liệng....

+ Ở bài thơ “ Ngắm trăng ” lại là vẻ đẹp của đêm trăng, của vầng trăng - người bạn cố tri với nhà thơ, người tù Hồ Chí Minh từ thuở nào. Đêm trăng đẹp đến “khó hững hờ”. Đó cũng là một lý do khiến nhà thơ – người tù không ngủ được. Đó cũng là vẻ đẹp của một con người thi sỹ nhưng lại là chiến sỹ.

- Vẻ đẹp thứ hai đó là khát vọng tự do. Đúng như Hồ Chí Minh từng nói “ Thân thể ở trong lao-Tinh thần ở ngoài lao”. Sống trong giam hãm, ngục tù nhưng tâm hồn luôn hướng ngoại, luôn muốn “vượt ngục”, “đạp tan phòng” để đến với tự do, đến với con đường cách mạng còn dang dở.

- Thứ ba đó là vẻ đẹp của ý chí cách mạng, tinh thần lạc quan yêu đời. Vượt qua mọi khó nhọc gian khổ, thiếu thốn, giam cầm, tra tấn của chốn lao tù, người tù cách mạng không hề bi quan thoái bộ. Ngược lại họ luôn nghĩ về, tìm về với cuộc sống, với cái đẹp, đến với con đường cách mạng mà họ đã lựa chọn. Con đường ấy đầy gian khổ hy sinh nhưng là con đường chính nghĩa, con đường vinh quang. Với Hồ Chí Minh, ở trong tù nhưng người luôn tin tưởng vào tương lai tốt đẹp, cách mạng sẽ thành công. Với Tố Hữu “Tiếng chim tu hú ngoài trời cứ kêu” như một lời thúc giục tranh đấu khát vọng tranh đấu.

3. Kết bài

Khẳng định được hình tượng người tù cách mạng, với những vẻ đẹp tâm hồn của họ luôn là hình ảnh đẹp nhất, đáng ngợi ca nhất cho thế hệ trẻ đương thời và cả thế hệ trẻ hôm nay. Vì thế, những bài thơ như vậy khiến những ai đã từng đọc một lần không thể nào quên, không thể không tự hào và ngưỡng mộ

Đề 2

Em hãy phân tích tinh thần lạc quan, phong thái ung dung, tự tại của Hồ Chí Minh trong “Tức cảnh Pác Bó”.

DÀN BÀI

A. Mở bài:

- Giới thiệu tác giả tác phẩm: “Tức cảnh Pác Pó” là một trong những bài thơ nổi tiếng của Hồ Chí Minh.
- Khái quát nội dung và nghệ thuật: Bài thơ thể hiện tình yêu thiên nhiên, sống hòa hợp với thiên nhiên và tinh thần lạc quan, phong thái ung dung của Bác dù trong hoàn cảnh vô cùng khó khăn, thiếu thốn.

B. Thân bài:

Luận điểm 1: Cảm nhận về nội dung

- * Cuộc sống cách mạng đầy gian khổ, khó khăn
- Nơi ở: Trong hang, ngoài suối, nơi rừng rậm nhiều nguy hiểm
- Thức ăn: “cháo bẹ”, “rau măng”: là những thức ăn trong rừng, chỉ là những cây cối mọc dại hái vào nấu tạm thành bữa ăn
- Điều kiện làm việc: đơn sơ, giản dị, bàn làm việc chỉ là những phiến đá to trong hang.
- ⇒ Cuộc sống khó khăn, thiếu thốn vô cùng và đầy rẫy những nguy hiểm rình rập.
- * Tình yêu thiên nhiên, sống hòa hợp với thiên nhiên và phong thái ung dung, tự tại của Bác.
- Tình yêu thiên nhiên, sống hòa hợp với thiên nhiên:
- + Cuộc sống dù thiếu thốn về vật chất nhưng được sống giữa thiên nhiên núi rừng Pác Pó mới chính là điều Bác cần.
- Tinh thần lạc quan, phong thái ung dung của Bác:
- + “Sáng ra bờ suối, tối vào hang”: cuộc sống nhẹ nhàng, đơn giản, đều đặn ngày nào cũng như ngày nào
- + “Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng”: Cuộc sống thiếu thốn nhưng Bác luôn giữ tinh thần lạc quan, giọng điệu hóm hỉnh, coi những khó khăn ấy như “phù phiếm”
- + “Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng”: Tư thế, tác phong làm việc vô cùng thoải mái, không căng thẳng, gò bó, áp lực dù đó là công việc cách mạng quan trọng và khó khăn.
- + “Cuộc đời cách mạng thật là sang”: Câu thơ vừa là lời khẳng định hùng hồn, vừa là lời nói đầy giản dị, hóm hỉnh. “Sang” ở đây không phải là sang trong vàng bạc, nhưng lựa, sống trên vạn người, mà cái “sang” này chính là sang trong tâm hồn, sang trong phong thái của người chiến sĩ cách mạng.
- + Chữ “sang” tưởng như trái ngược lại hoàn toàn với hoàn cảnh khắc nghiệt, thiếu thốn ở 3 câu thơ đầu nhưng với một con người như Bác, thì đó lại là lời kết luận cho tất cả, bởi sống giữa thiên nhiên núi rừng Pác Pó, sống dưới bầu trời của dân tộc chính là điều “sang” nhất trong cuộc đời cách mạng của Bác.

Luận điểm 2: Cảm nhận về nghệ thuật

- Thể thơ thất ngôn tứ tuyệt ngắn gọn, súc tích, bình dị
- Giọng điệu hóm hỉnh, vui đùa
- Ngôn ngữ giản dị, gần gũi như lời tâm tình, lời ăn tiếng nói hàng ngày.
- Các biện pháp nghệ thuật: đối (Câu thơ 1), nhịp thơ 4/3...

C. Kết bài:

- Khái quát lại thành công nội dung và nghệ thuật: Bài thơ với những đặc sắc nghệ thuật đã làm sống lại hình ảnh Bác Hồ với những phẩm chất cao quý.
- Liên hệ đến các bài thơ khác của Bác cũng thể hiện tinh thần lạc quan, phong thái ung dung tự tại: Bài thơ “Ngắm trăng”, “Đi đường” cũng thể hiện điều này.

Đề 3:

Cảm nhận về bài thơ Đi đường của Hồ Chí Minh.

DÀN BÀI

1. Mở Bài

- Giới thiệu về Bác Hồ
- Giới thiệu về bài thơ: Nằm trong tập "Nhật kí trong tù"
- Ý nghĩa của bài thơ: Ca ngợi tinh thần, ý chí vượt gian khổ của Bác.

2. Thân Bài

- Hoàn cảnh sáng tác của bài thơ:
- + Được sáng tác khi Người bị giam ở nhà tù Tưởng Giới Thạch
- + Sau những lần chuyển lao vất vả
- Ý nghĩa bài thơ gửi gắm:
- + Ghi lại chân thực những khó khăn Hồ Chí Minh trải qua
- + Khẳng định triết lý: Vượt qua hết thử thách sẽ tới thành công.
- Phân tích nội dung bài thơ:
- + Câu một: Lời nhận xét, chiêm nghiệm từ thực tế:
- + Câu thơ là lời nhận xét từ kinh nghiệm di chuyển của người tù với xiềng xích

- + Bác Hồ thấu hiểu những khó khăn, gian khổ ấy
- + "Tẩu lộ": Lặp lại, cho thấy những chặng đường dài cứ nối tiếp nhau, không thấy đích đến.
- Khó khăn chồng chất, đường dài kéo lê chân người tù, miêu tả chân thực hiện thực → Rút ra kinh nghiệm sống: Phải bắt tay vào công việc mới thấy được khó khăn.
- Những khó khăn mà Cách mạng đang gặp phải trong những buổi đầu.
- + Câu hai: Những khó khăn, gian lao chồng chất trước mắt Bác Hồ:
- + Núi non liên tiếp xuất hiện trước tầm mắt
- + Điệp từ "trùng san": xuất hiện ở đầu và cuối câu → Núi non trập trùng trước mắt, kéo dài bất tận không ngớt.
- + Người tù phải trải qua hết khó khăn này tới khó khăn khác, phải vượt chặng đường dài → Khó khăn vất vả.
- + Miêu tả chặng đường Cách mạng với nhiều khó khăn trước mắt, cần người chiến sĩ Cách mạng có ý chí kiên cường.
- + Hai câu thơ cuối: Khẳng định kết quả sau khi vượt qua mọi khó khăn:
- + Câu ba: Hình ảnh núi non tiếp nối, nhịp điệu câu thơ dồn dập, hồi hã tiến về phía trước, bước chân tới "tận cùng" đỉnh núi.
- + Câu bốn: Niềm hạnh phúc vỡ òa khi được đứng trước thiên nhiên rộng lớn.
- + Nhịp thơ ở đây nhanh, mạnh mẽ, hồi hã, cảm xúc vui sướng dạt dào.
- + Hình ảnh Hồ Chí Minh vui sướng như được tự do khi đứng trước thiên nhiên.
- Muốn khẳng định: Con đường Cách mạng phải vượt qua nhiều khó khăn, gian khổ, nhưng khi vượt qua hết, nhất định sẽ có được thắng lợi vẻ vang.
- Kết luận chung:
- + Bài thơ là bức tranh hiện thực của Hồ Chí Minh khi chuyển lao ở nhà tù Tưởng Giới Thạch.
- + Bức tranh về ý chí kiên cường cũng như tâm hồn thơ đầy xúc cảm của một người chiến sĩ Cách mạng.
- + Gửi gắm chân lý về cuộc đời cũng như con đường Cách mạng: gian khổ, khó khăn, gập ghềnh, cần ý chí kiên cường, nhưng thành công sẽ vô cùng xứng đáng.

3. Kết Bài

- Khẳng định lại vấn đề.
- Hồ Chí Minh - Người chiến sĩ Cách mạng, thi nhân xuất sắc của dân tộc.

Đề 4:

Phân tích vẻ đẹp tâm hồn của Bác qua 3 bài thơ Ngắm trăng, Đi đường, Tức cảnh Pác Bó.

Những nét đẹp trong tâm hồn của Bác thể hiện qua 3 bài thơ Ngắm trăng, Đi đường và Tức cảnh Pác Bó:

DÀN BÀI

- Phong thái ung dung, tinh thần lạc quan trong cuộc sống cách mạng đầy gian khổ:

- + Trong *Tức cảnh Pác Bó*, dù hoàn cảnh "cháo bẹ rau măng" hay "bàn đá chông chênh", thi nhân vẫn vui vẻ mà viết lên rằng "*Cuộc đời cách mạng thật là sang*".
- + Ở *Tẩu lộ* (Đi đường), dù đang trên đường đi với bao xiềng xích trên người vậy mà Người vẫn không nghĩ đến nỗi khó khăn hiện tại, vẫn cất lên cái tâm hồn thi sĩ của mình, vẫn ung dung ngắm nhìn cảnh núi non "*Tẩu lộ tài chi tẩu lộ nan / Núi cao rồi lại núi cao trập trùng*".

⇒ Tinh thần bất khuất, can đảm, không ngại khó khăn, vất vả, phong thái ung dung, lạc quan của người chiến sĩ cách mạng Hồ Chí Minh.

- Tình yêu gắn bó với thiên nhiên tha thiết:

- + Bài thơ *Ngắm trăng* với hình ảnh nhân - nguyệt, nguyệt - nhân:

"Nhân hướng song tiền khán minh nguyệt,

Nguyệt tòng song thích khán thi gia"

- Cái chần song cửa sổ kia không thể ngăn cách giữa hai người bạn là vàng trăng và thi sĩ. Cả hai như đối xứng với nhau, nhìn nhau thật lâu, thật thân thiết.
- Dù ở trong mọi hoàn cảnh, tình cảm của Bác vẫn không đổi, vẫn luôn dành tấm lòng cho thiên nhiên như một người bạn đồng hành.

=> Tâm hồn của một người thi sĩ với tình yêu thiên nhiên tha thiết, sâu đậm và gắn bó.

- **Thiên nhiên gắn bó với Bác trong từng nguồn cảm hứng, trong từng câu thơ** không chỉ với tư cách là một người bạn, mà còn là một người mang lại cho Người những bài học cuộc đời rất quý giá mà giản dị.

+ Trong bài *Đi đường*, hình ảnh núi trùng trùng điệp điệp mọc ra trước mắt, như muốn ngăn bước chân người đi:

"Trùng san chi ngoại hựu trùng san

Trùng san đăng đáo cao phong hựu"

• Khi vượt qua bao núi non ấy, trước mắt ta dường như là cả một khoảng trời mênh mông trong tầm mắt: *"Thu vào tầm mắt muôn trùng nước non"*.

• Từ việc "tẩu lộ" đơn thuần, ta cũng ngẫm ra được một chân lí hết sức giản dị mà thấu đáo: Hãy vượt qua mọi hoàn cảnh khó khăn để có được niềm vui chiến thắng, đặc biệt là vươn lên để chiến thắng bản thân mình.

-> Chỉ với 4 câu thơ ngắn ngủi, Bác đã đúc kết được một chân lí sống sâu sắc, đó cũng chính là những suy nghĩ được kết tinh từ cách sống của một nhà hiền triết vĩ đại, có tầm nhìn sâu rộng về cuộc đời.

=> Qua 3 bài thơ, ta cảm nhận được một phong thái, một hình tượng vĩ đại của vị cha già dân tộc Hồ Chí Minh. Đó là một tâm hồn thi sĩ ẩn trong một tinh thần của người chiến sĩ cách mạng kiên cường, lạc quan; đó cũng là phong thái của một nhà hiền triết, một bậc vĩ nhân vĩ đại không chỉ của dân tộc mà của cả thế giới.

ĐỀ 5:

Chứng minh: Thơ Bác thể hiện tình yêu thiên nhiên tha thiết, tinh thần lạc quan và phong thái ung dung, tự tại

DÀN BÀI

Mở bài:

Có thể nói hình ảnh thiên nhiên luôn chiếm một vị trí danh dự trong thơ Bác. Thiên nhiên trong thơ Bác lúc nào cũng bình dị, tươi mới. Ở hầu hết các bài thơ đều thấm đậm sắc màu của lá, hoa cây cỏ, núi, sông,... Bởi đối với Người được làm cách mạng và sống hòa hợp với thiên nhiên là một niềm vui lớn. Trong bất cứ hoàn cảnh nào, Người luôn dành cho thiên nhiên một tình yêu đắm say, tha thiết. Qua đó thể hiện tinh thần lạc quan và phong thái ung dung, tự tại của Người.

Thân bài:

Hình ảnh thiên nhiên tràn ngập trong thơ Bác:

Thiên nhiên vốn là hình ảnh chủ đạo trong thơ cổ. Người xưa thường lấy cảnh ngụ tình, chuyển tải cái chiêm nghiệm ở đời qua sự vật và hình ảnh. Bởi thế, thiên nhiên trở thành chuẩn mực của cái đẹp, cái cao cả trong những áng văn.

Thơ Bác cũng đầy ắp hình ảnh thiên nhiên. Thiên nhiên trong thơ Bác lúc nào cũng tươi đẹp, tràn đầy sức sống, có xu thế vươn lên ánh sáng. Thơ Bác chú trọng đến sự vận động bên trong của sự vật. Bài thơ "Tức cảnh Pác Bó" thể hiện sâu sắc quan điểm ấy:

*"Sáng ra bờ suối, tối vào hang
Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng
Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng
Cuộc đời cách mạng thật là sang" ..*

Trọn vẹn bài thơ không có màu sắc, không có âm thanh. Tất cả chỉ là sự ghi nhận thực tại theo đúng trình tự của nó. Ấy thế mà, đọc xong bài thơ, trước mắt người đọc hiện ra một khung cảnh tươi xanh, thấm biếc của núi rừng Pác Bó. Chính hình ảnh bờ suối, rau măng gợi ra không gian của cây xanh, núi dốc, của rừng già, vực sâu. Bất chợt đâu đó vang lên tiếng chim kêu gọi bầy, tiếng vượn hú bên nguồn nước và tiếng gió đại ngàn vi vu thổi. Cả không gian rộng lớn được giấu kín giờ hiển hiện, phô bày. Điều kì diệu đó chính là do thủ pháp điểm nhãn, lấy ý gợi hình, nắm bắt được cái thần thái của cảnh vật và quy luật tâm lí con người của Bác.

Sự vật được sắp xếp hài hòa trong mối tương quan vận động hợp lí. Ít lời mà nhiều ý, gợi ra được cái quy luật của vũ trụ nhân sinh. Người không chú trọng khắc họa chi tiết hay diễn đạt một cách mơ hồ. Bác cũng chú ý lựa

chọn những gì đặc trưng nhất để gọi đúng cảnh vật. Pác Bó bình dị như chính cuộc đời Bác bình dị. Thiên nhiên Pác Bó đồng hành cùng con người. Giữa con người và thiên nhiên dường như không còn khoảng cách nữa.

Với bài thơ “Đi đường”, hình ảnh thiên nhiên hiện ra với bao khó khăn, trắc trở. Đôi khi, thiên nhiên lại cản bước con người: *“Núi cao rồi lại núi cao trập trùng”*.

Thiên nhiên dữ dội, đầy khắc nghiệt. Đối với tù nhân trên bước đường chuyển lao, thiên nhiên chính là kẻ thù. Nó hành hạ, đầy đọa con người với đủ mọi cách. Núi rừng đau chỉ dốc cao, núi dựng mà còn gai nhọn, trùng điệp, vực sâu, thác dữ,... Mọi thứ như cứ chực vồ lấy con người.

Thế mà, với Bác, người xem điều đó như không có. Thiên nhiên dữ dội nhưng đối với Bác lại rất thân tình, gần gũi. Dầu có gian nan, vất vả nhưng đến khi vượt qua hết cách trở ấy sẽ nhận được phần thưởng vô giá mà thiên nhiên ban tặng. Đó là cảnh vật vĩ đại nhìn từ trên đỉnh cao:

*“Núi cao lên đến tận cùng
Thu vào tầm mắt muôn trùng nước non”.*

Người luôn có ý thức trân trọng thiên nhiên và xem thiên nhiên như một người bạn. Đôi khi là người tri kỉ, sẽ chia tâm tình. Dù là khi còn tự do hay lúc bị giam cầm, thiên nhiên lúc nào cũng gần gũi thân tình, hữu ái. Bài thơ “Ngắm trăng” bộc lộ rõ ràng tình cảm ấy:

*“Trong tù không rượu cũng không hoa
Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ
Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ”.*

Mặc dù ở trong ngục tù, Người vẫn dành cho thiên nhiên một sự ưu ái lớn lao. Vầng trăng sáng trên cao là hình ảnh thiên nhiên tràn đầy sức sống, đang gọi mời, tâm tình tỏ bày với người bạn xưa. Trăng cũng có hồn, cũng biết ngắm nhìn và cảm thông. Còn người vượt lên trên nghịch cảnh, vươn tới ánh sáng. Ngục tối có thể giam hãm thân thể Người nhưng không thể nào giam hãm tinh thần Người.

Qua đó, có thể thấy, dù trong bất cứ hoàn cảnh nào, lúc còn tự do hay khi bị giam hãm, người vẫn yêu mến thiên nhiên tha thiết với một tinh thần lạc quan, yêu đời đắm say. Không có gì có thể cản trở Người tìm đến và đắm mình trong thiên nhiên hiền hòa.

Phong thái ung dung tự tại và tinh thần lạc quan của Bác:

Không chỉ có thế, thơ Người còn thể hiện một phong thái ung dung, tự tại giữa cuộc đời bão tố. Trong khung cảnh núi rừng Tây Bắc hùng vĩ, Người hiện lên như một vị tiên ông, ung dung, tự tại, điềm tĩnh vô cùng:

*“Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng
Cuộc đời cách mạng thật là sang”.*

Dù cuộc đời cách mạng với bao hiểm nguy, khó khăn vất vả thế nhưng Bác vẫn không hề quá lo lắng. Bởi Người luôn nuôi dưỡng khát vọng giải phóng dân tộc. Dù có bao nhiêu vất vả thì Người vẫn không hề than vãn, kêu ca. Trọn cuộc đời Người sống vì nhân dân, vì đất nước. Phong thái ung dung, tự tại không phải là thờ ơ trước cuộc đời mà đó là ý chí sắt đá của người chiến sĩ kiên trung, vượt lên trên khó khăn thử thách, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ.

Đường dài xa, núi dốc cao, Người vẫn ung dung bước tới. Và khi đã lên đến tận cùng thì cảnh vật bao la hiện ra trước mắt, đem lại cho Người cảm giác hạnh phúc vô biên của người chiến thắng.

Với thiên nhiên, Bác luôn chân thành và nồng nhiệt, thiết tha. Tinh thần ấy được khẳng định mạnh mẽ hơn trong bài thơ “Ngắm trăng”, được viết lúc người bị giam cầm trong nhà tù Tưởng Giới Thạch. Không một bản án dành cho Người, không thời hạn để chờ đợi, tin tưởng. Thế nhưng, trước cảnh đẹp đêm nay đã khiến Người “khó hững hờ”. Người tù từ trong bóng tối nhìn ra vầng trăng sáng, còn vầng trăng từ bên ngoài tìm đến nơi người tù. Người và cảnh giao hòa trong trạng thái thanh cao, đẹp đẽ vô cùng:

*“Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ”.*

Hiện lên trong bức tranh tĩnh lặng ấy hình ảnh người tù, người chiến sĩ ung dung, đỉnh đặc mắt hướng về trắng sáng. Bóng tối của ngục tù và sự lãnh lẽo của buồng giam dường như tan biến mất, chỉ còn đây một tiên nhân đang trong cuộc thưởng du cái đẹp của đất trời.

Kết bài:

Một đời Bác đã hi sinh vì nước vì dân. Chưa bao giờ Người nghĩ đến riêng mình. Với thiên nhiên, Người là một người bạn chân tình, thủy chung. Dù trong bất cứ hoàn cảnh nào Người vẫn dành cho thiên nhiên một tình yêu tha thiết, với tinh thần lạc quan yêu đời và phong thái ung dung tự tại, điềm tĩnh rất đáng kính phục.

ĐỀ 6

Phân tích bài thơ Nhớ rừng của Thế Lữ.

DÀN BÀI

A. Mở bài:

- Giới thiệu tác giả tác phẩm: Thế Lữ là một trong những nhà thơ tiêu biểu nhất của phong trào Thơ Mới giai đoạn đầu 1932 - 1945. Bài thơ “Nhớ rừng” là một trong những tác phẩm nổi tiếng, làm nên thành công cho hồn thơ dồi dào, đầy lãng mạn - Thế Lữ

- Khái quát nội dung tác phẩm: Bài thơ thông qua tâm trạng uất hận trước hoàn cảnh thực tại và nỗi nhớ thời quá khứ vàng son của con hổ để nói lên tâm trạng của chính những người dân đang chịu cảnh mất nước lúc bấy giờ.

B. Thân bài:

Luận điểm 1: Tâm trạng uất hận của con hổ khi bị giam cầm

- Sử dụng một loạt các từ ngữ gợi cảm thể hiện tâm trạng chán nản, uất ức: “cắm hờn”, “nằm dài”, “chịu ngang hàng”, “bị làm trò”, “bị nhục nhằn”. Sự đau đớn, nhục nhã, bất bình của con hổ như bắt đầu trời dậy mãnh liệt khi nhìn thực tại tầm thường trước mắt.

Luận điểm 2: Quá khứ vàng son trong nỗi nhớ của con hổ

- Nằm trong cũi sắt, con hổ nhớ về chốn sơn lâm – nơi nó từng ngự trị, đó là nơi có hàng ngàn cây đại thụ, có tiếng gió rít qua từng kẽ lá, tiếng của rừng già ngàn năm. Tất cả gợi ra một khu rừng hoang dã, hùng vĩ như vô cùng bí ẩn.

- Hình ảnh con hổ giữa chốn rừng xanh bạt ngàn được miêu tả qua một loạt từ ngữ miêu tả, gợi hình: “đông dặc”, “đường hoàng”, “lượn tấm thân”, “vờn bóng”, “mắt...quắc”..., thể hiện sự uy nghi, ngang tàng, mãnh liệt của loài chúa tể rừng xanh.

- Hình ảnh con hổ khi còn làm vua chốn rừng xanh được miêu tả qua nỗi nhớ về quá khứ: Một loạt những hình ảnh sống động giữa rừng già và loài chúa tể sơn lâm: “Đêm vàng bên bờ suối” – “ta say mồi...uống ánh trăng”, “ngày mưa” – “ta lặng ngắm giang sơn”, “bình minh...năng gộ” – “giấc ngủ ta tung bừng”, “chiều...sau rừng” – “ta đợi chết...”.
- Việc sử dụng 1 loạt câu hỏi tu từ, đặc biệt là câu cuối đoạn đã thể hiện tâm trạng nuối tiếc, nhớ nhung một quá khứ vàng son, một thời kì oanh liệt, tự do, ngạo nghễ làm chủ thiên nhiên núi rừng.

- Việc sử dụng 1 loạt câu hỏi tu từ, đặc biệt là câu cuối đoạn đã thể hiện tâm trạng nuối tiếc, nhớ nhung một quá khứ vàng son, một thời kì oanh liệt, tự do, ngạo nghễ làm chủ thiên nhiên núi rừng.

Luận điểm 3: Nỗi uất hận khi nghĩ về thực tại tầm thường, giả dối

- Quay trở về với hiện thực, con hổ với nỗi “uất hận ngàn thâu” đã vạch trần toàn bộ sự giả dối, tầm thường, lố bịch của cuộc sống trước mắt: Ấy là những “cảnh sửa sang tầm thường, giả dối”, cái bắt chước đầy lố bịch của thiên nhiên giả tạo, cố cho ra cái “vẻ hoang vu” nơi rừng thiêng sâu thẳm.

Luận điểm 4: Khao khát tự do sục sôi trong lòng con hổ

- Giọng điệu bi tráng, gào thét với núi rừng (“hỡi...”), lời nói bộc lộ trực tiếp nỗi nhớ, sự nuối tiếc về quá khứ và khao khát tự do, dù trong giấc mộng, con hổ cũng muốn được quay về nơi rừng già linh thiêng.

⇒ Mượn lời của con hổ, tác giả đã thay cho tiếng lòng của con dân Việt Nam trong thời kì mất nước, ấy là tiếng than nuối tiếc cho một thời vàng son của dân tộc, là tiếng khao khát tự do cháy bỏng, sục sôi trong từng người dân yêu nước.

Luận điểm 5: Nghệ thuật

- Thể thơ tự do hiện đại, phóng khoáng, dễ dàng bộc lộ cảm xúc

- Ngôn ngữ độc đáo, có tính gợi hình, gợi cảm cao

- Các biện pháp nghệ thuật được sử dụng thành công: nhân hóa, so sánh, điệp cấu trúc, câu hỏi tu từ, ẩn dụ chuyển đổi cảm giác...

- Giọng điệu, nhịp thơ linh hoạt, khi thì buồn thảm, khi hào hùng, lẫm liệt, theo trình tự logic hiện thực – quá khứ - hiện thực – quá khứ...

C. Kết bài:

- Khẳng định lại giá trị nội dung, nghệ thuật: “Nhớ rừng” không chỉ thành công ở nghệ thuật tinh tế, mà còn có giá trị lớn về nội dung, đại diện cho tiếng lòng của mọi người dân Việt Nam đang sục sôi trước hoàn cảnh đất nước.

- Liên hệ và đánh giá tác phẩm: Bài thơ góp phần to lớn vào sự thành công của phong trào Thơ mới.

ĐỀ 7

Phân tích bài thơ Quê hương của nhà thơ Tế Hanh.

DÀN BÀI

A. Mở bài:

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm: Quê hương là bài tiếng nổi tiếng của nhà thơ Tế Hanh

- Khái quát nội dung tác phẩm: bài thơ thể hiện tình quê hương sâu đậm của tác giả - một người con xa quê.

B. Thân bài:

Luận điểm 1: Bức tranh làng quê miền biển và cảnh lao động của người dân chài

* Bức tranh làng quê miền biển:

+ Lời giới thiệu: “vốn làm nghề chài lưới” ⇒ làng nghề đánh cá truyền thống

+ Vị trí: sát ngay bờ biển, “nước bao vây”

⇒ Lời giới thiệu giản dị, mộc mạc, không rườm rà, hoa mỹ.

* Cảnh lao động của người dân làng chài:

- Cảnh đánh bắt cá trên biển:

+ Không gian, thời gian: 1 buổi sớm trời trong, gió nhẹ ⇒ điều kiện thuận lợi để ra khơi.

+ Hình ảnh chiếc thuyền đánh cá: dũng mãnh vượt biển, thể hiện qua các động từ mạnh “hăng”, “phăng”, “mạnh mẽ vượt” và phép so sánh “như con tuấn mã”

+ Hình ảnh cánh buồm giữa biển khơi: con thuyền như linh hồn của người dân làng chài, nổi bật trên nền trời bao la rộng lớn ngoài biển khơi.

⇒ Khung cảnh tuyệt đẹp, tràn đầy sức sống, sự tươi mới, hứa hẹn một ngày ra khơi thắng lợi.

- Cảnh con thuyền trở về sau 1 ngày lênh đênh trên biển

+ Người dân: tấp nập, hớn hởi với thành quả của 1 ngày đánh bắt

+ Hình ảnh người dân chài: làn da “ngăm rạm nắng”, thân hình “nồng thớ vị xa xăm” ⇒ khỏe mạnh, đậm chất miền biển, đầy lãng mạn với “vị xa xăm” – vị của biển khơi, của muối, của gió biển – đặc trưng cho người dân chài.

+ Hình ảnh con thuyền: động từ nhân hóa “mỏi”, “nằm”, “nghe”,... con thuyền như một con người lao động, biết tự cảm nhận thân thể của mình sau một ngày lao động mệt mỏi.

⇒ Bức tranh tươi sáng, sinh động về một làng quê miền biển và hình ảnh khỏe khoắn, tràn đầy sức sống, tinh thần lao động của người dân làng chài.

Luận điểm 2: Nỗi nhớ da diết, tình cảm thấm thiết của tác giả với quê hương của mình

- Liệt kê một loạt các hình ảnh của làng quê: “màu nước xanh”, “cá bạc”, “chiếc buồn vôi”, “con thuyền rẽ sóng”,... thể hiện nỗi nhớ quê hương chân thành, da diết của tác giả.

- Câu thơ cuối: “mùi nồng mặn” – mùi của biển khơi, cá tôm, mùi của con người ⇒ hương vị đặc trưng của quê hương miền biển. Câu cảm thán như một lời nói thốt ra từ chính trái tim của người con xa quê với một tình yêu thủy chung, gắn bó với nơi đã bao bọc mình.

Luận điểm 3: Nghệ thuật

- Thể thơ tám chữ phóng khoáng, phù hợp với việc bộc lộ cảm xúc giản dị, tự nhiên.

- Các hình ảnh liên tưởng, so sánh, nhân hóa vô cùng độc đáo.

- Ngôn ngữ giản dị, mộc mạc, giọng điệu nhẹ nhàng, da diết.

C. Kết bài:

- Khẳng định lại giá trị : Với những đặc sắc nghệ thuật bài thơ “Quê hương” không chỉ là thành công lớn trong sự nghiệp thơ Tế Hanh mà còn thể hiện tình cảm yêu thương, nỗi lòng sâu sắc, cảm động của tác giả đối với quê hương của mình.

- Liên hệ và đánh giá tác phẩm: Đây là bài thơ tiêu biểu nhất cho hồn thơ dạt dào tình cảm của Tế Hanh và cũng là một trong những bài thơ hay nhất viết về tình cảm quê hương.

(Hoài Thanh)

ĐỀ 8

Phân tích bài thơ: KHI CON TU HÚ

a/ Thuyết minh về tác giả, tác phẩm

- Thuyết minh về tác giả:

+ Tô Hữu (1920 - 2002), quê gốc ở làng Phù Lai, nay thuộc xã Quảng Thọ, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

+ Là người giác ngộ lí tưởng Đảng từ rất sớm (khi đang học ở trường Quốc học). Tháng 4 - 1939, Tô Hữu bị thực dân Pháp bắt giam vào nhà lao Thừa phủ Huế.

+ Ở Tố Hữu có sự thống nhất đẹp đẽ giữa cuộc đời cách mạng và cuộc đời thơ. Ông được coi là lá cờ đầu của cuộc cách mạng và kháng chiến. Ông được nhà nước trao tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (1996).

- Thuyết minh về tác phẩm:

+ Bài thơ ***Khi con tu hú*** được sáng tác trong nhà lao Thừa phủ, khi tác giả mới bị bắt giam, là bài thơ thể hiện đề tài về lòng yêu cuộc sống và khao khát tự do của người chiến sĩ cách mạng trong hoàn cảnh tù đầy.

+ Bài thơ được viết theo thể thơ lục bát giản dị, thiết tha, nhịp nhàng, có khả năng khơi gợi cảm xúc cao.

b/ Chứng minh nội dung vấn đề

- Xác định rõ luận điểm, biết giải quyết vấn đề và biết đưa dẫn chứng, phân tích dẫn chứng; lập luận chặt chẽ, giàu sức thuyết phục.

- Luận cứ cần trình bày rõ ràng, cụ thể, sinh động.

- Trong bài viết, cần kết hợp các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm thích hợp để bài viết đạt kết quả cao.

* Tình yêu cuộc sống:

- Ở trong lao tù nhưng tác giả vẫn cảm nhận được những âm thanh của cuộc sống qua tiếng tu hú kêu.

- Âm thanh ấy đã mở ra cả một không gian mùa hè trong tâm tưởng: rộn rã âm thanh, rực rỡ sắc màu, ngọt ngào hương vị, không gian khoáng đạt.

- Thể hiện một trái tim nồng nàn yêu cuộc sống, mặc dù bị giam cầm trong ngục tù.

* Niềm khao khát tự do:

Chứng minh, lập luận bằng những luận cứ thể hiện được tâm trạng của tác giả trong hoàn cảnh ngục tù:

- Bức tranh mùa hè đầy sức sống được gợi lên bằng âm thanh của tiếng tu hú kêu đã làm trỗi dậy niềm khao khát tự do của người chiến sĩ cách mạng.

- Càng khao khát tự do, người tù càng cảm thấy ngột ngạt, bức bối, uất hận khi tiếng chim tu hú ngoài kia cứ dồn dập, tha thiết. Tiếng gọi của tự do, của tình yêu quê hương đất nước, của đồng chí, đồng đội cứ liên tiếp dai dẳng.

ĐỀ 9

Có nhận xét cho rằng: “Nước Đại Việt ta của Nguyễn Trãi là áng văn tràn đầy lòng tự hào dân tộc”. Qua văn bản đã học, em hãy làm sáng tỏ nhận xét trên.

DÀN BÀI

1. Mở bài

- Giới thiệu tác giả Nguyễn Trãi - Hoàn cảnh ra đời của ***Bình Ngô đại cáo*** và đoạn trích ***Nước Đại Việt ta***.

- Nêu luận điểm khái quát: ***Nước Đại Việt ta*** là áng văn tràn đầy lòng tự hào dân tộc.

2. Thân bài

Chứng minh nhân nghĩa là nền tảng; cốt lõi tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi là: Yên dân và trừ bạo.

- Yên dân là làm cho dân được hưởng thái bình, hạnh phúc; muốn yên dân thì phải trừ diệt mọi thế lực bạo tàn.

- Nhân nghĩa của Nguyễn Trãi thể hiện tư tưởng tiến bộ, tích cực, nhân quyền dân tộc.

- Nhân nghĩa gắn liền với tinh thần yêu nước chống giặc ngoại xâm bảo vệ độc lập chủ quyền dân tộc.

+ Lịch sử dân tộc có nền văn hiến lâu đời.

- + Có cương giới, lãnh thổ rõ ràng.
- + Có phong tục tập quán riêng.
- + Có chế độ chủ quyền riêng song song tồn tại với các triều đại Trung Quốc.
- Sức mạnh Đại Việt là sức mạnh nhân nghĩa, sức mạnh của độc lập dân tộc, sức mạnh của chính nghĩa.

3. Kết bài

- Khẳng định **Nước Đại Việt ta** là bản tuyên ngôn độc lập, tự chủ dân tộc, là áng văn tràn đầy lòng tự hào dân tộc.
- Suy nghĩ của bản thân.

ĐỀ 10

Dựa vào các văn bản “Chiếu dời đô” “Hịch tướng sĩ”, hãy nêu suy nghĩ của em về vai trò của những người lãnh đạo anh minh như Lý Công Uẩn, Trần Quốc Tuấn với vận mệnh đất nước.

DÀN BÀI

A. Mở bài:

- Dẫn dắt vấn đề: Hiền tài là nguyên khí của quốc gia.
- Nêu vấn đề: Lãnh đạo có vai trò vô cùng quan trọng đối với vận mệnh của một quốc gia, dân tộc.

B. Thân bài:

Luận điểm 1: Những phẩm chất của một người lãnh đạo anh minh

- Có tầm nhìn xa, trông rộng.
- Có lòng yêu nước, thương dân.
- Có kiến thức sâu rộng, uyên thâm.
- Luôn sáng suốt, anh minh, công bằng....

Luận điểm 2: Vai trò của một vị vua đối với vận mệnh đất nước.

- Vua Lý Thái Tổ là vị vua khai sinh ra ra vương triều nhà Lý - một triều đại thịnh trị trong lịch sử dân tộc.
- Giành được hòa bình, đất nước đang trong giai đoạn dựng xây và phát triển, vua Lý Thái Tổ đã nhìn ra được những yếu điểm của kinh đô Hoa Lư và những lợi thế, tương lai của vùng đất Thăng Long. Chính nhờ tầm nhìn xa, trông rộng của vua mà đất nước mới có được điều kiện để phát triển thịnh vượng nhất có thể.
- Vua Lý Thái Tổ cũng rất cẩn thận, khéo léo trong cách thuyết phục nhân dân, quần thần dời đô:
 - + Nhắc lại các triều đại dời đô thành công trong lịch sử Trung Quốc: nhà Thương, nhà Chu.
 - + Phân tích những hạn chế của vùng đất Hoa Lư và sự bảo thủ của các triều Đinh, Lê
 - + Phân tích những lợi thế của vùng Thăng Long

⇒ Trong thời đại đất nước đang trên đà phát triển hưng thịnh, vua Lý Thái Tổ với kiến thức uyên thâm về địa lý, phong thủy, tầm nhìn xa trông rộng, tấm lòng yêu nước, thương dân, một lòng muốn cống hiến cho đất nước đã đưa ra quyết định dời đô – từ đó tạo ra bước chuyển mình mạnh mẽ trong lịch sử dân tộc ta.

Luận điểm 3: Vai trò của một vị tướng lĩnh đối với vận mệnh đất nước trong chiến tranh, nguy nan.

- Trần Quốc Tuấn là một vị tướng lĩnh tài ba dưới thời vua Trần Nhân Tông, có công lao to lớn trong 2 cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên năm 1285 và 1287.
- Nhận thấy sức mạnh, khí thế của quân đội ta đang đi xuống, Trần Quốc Tuấn đã ngay lập tức làm bài “Hịch tướng sĩ” để khích lệ tinh thần quân đội, lập nên chiến thắng anh dũng trước quân Mông – Nguyên. Đó là một

hành động vô cùng cần thiết và hợp lí, đánh trúng vào lòng yêu nước, căm thù giặc của tất cả binh sĩ, phát động đấu tranh trong toàn nước.

- Trần Quốc Tuấn không chỉ nắm được điểm yếu của giặc mà còn nắm được điểm yếu, điểm mạnh của chính quân đội ta khiến cho bài hịch có sức thuyết phục và ảnh hưởng mạnh mẽ đến quân đội.

- Sự am hiểu về binh pháp, tài điều binh khiển tướng, nắm bắt thời cơ tốt cùng tấm lòng trung quân ái quốc của Trần Quốc Tuấn chính là mấu chốt giúp ta giành được thắng lợi trước quân giặc mạnh và hung hãn như quân Mông – Nguyên.

Luận điểm 4: Bàn luận

- Cả Lý Thái Tổ và Trần Quốc Tuấn đều là những người lãnh đạo anh minh, sáng suốt, hội tụ đủ các phẩm chất tinh anh của dân tộc, có công lao lớn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước trong lịch sử dân tộc.

- Nếu như vua không sáng, tướng không giỏi thì chắc chắn đất nước đó sẽ sớm bại lui, không thể phát triển được.

C. Kết bài:

- Khẳng định lại vai trò to lớn của người lãnh đạo đối với vận mệnh đất nước.

- Liên hệ đến thời hiện đại: Trong xã hội đang trên đà phát triển, hội nhập mạnh mẽ như hiện nay, chúng ta càng cần đến những người lãnh đạo sáng suốt, anh minh, nhạy bén thì mới có thể chèo lái nhân dân, đưa đất nước đến sự thịnh vượng, văn minh, tiên tiến.